

HỘI TRUYỀN BÁ HỌC QUỐC NGỮ

VĂN QUỐC NGỮ

DẠY THEO PHƯƠNG PHÁP MỚI



**Nhà xuất bản Tổng hợp
Thành phố Hồ Chí Minh**



**Trung tâm Nghiên cứu
và Thực hành Gia phả TP. HCM**

VÂN QUỐC NGŨ

DẠY THEO PHƯƠNG PHÁP MỚI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH

HỘI TRUYỀN BÁ HỌC QUỐC NGỮ

VĂN QUỐC NGỮ

DẠY THEO PHƯƠNG PHÁP MỚI

Ban soạn sách

**TRẦN VĂN GIÁP
HOÀNG XUÂN HÃN
VŨ HY TRÁC**



**Nhà xuất bản Tổng hợp
Thành phố Hồ Chí Minh**



**Trung tâm nghiên cứu
và thực hành gia phả TP. HCM**

IN LẦN THỨ NHẤT

Nhà in LE – CUONG

In tặng Hội một nghìn quyển “Văn Quốc Ngữ” này

HANOI 1939

LỜI GIỚI THIỆU

Hơn 70 năm trước, *Hội Truyền bá học Quốc ngữ* đã xuất bản sách ***Văn Quốc ngữ***, tập bài giảng tiếng Việt đơn giản, dễ hiểu và dễ đọc cho người lớn vì những hoàn cảnh khác nhau không tới trường được. Sách gói gọn trong 40 bài. ***Văn Quốc ngữ*** có giá trị lịch sử đặc biệt. Có lẽ đây là tập sách duy nhất trước tháng 8 năm 1945 dùng để truyền bá chữ Quốc ngữ.

Sách có chủ trương rất đúng là đọc theo âm “đọc **b** là bờ, **c** là cờ, **kh** là khờ, vì khi xưa đọc **ca** là xê a ca là vô lý” (tựa). Để dễ nhớ, người soạn ***Văn Quốc ngữ*** chú ý tới các phương tiện tai, mắt, tay khi học. Tai nghe, mắt nhìn những “câu truyền khẩu” như “**i t** giống móc cả hai/ **i** ngắn có chấm **t** dài có ngang”, “**o** tròn như quả trứng gà, **ô** thì đội mũ, **ơ** thì thêm râu”... Thế là hiểu, thuộc và nhận ra mặt chữ theo hình.

Các bài được soạn theo một hệ thống nhất quán: Ôn tập bài trước (viết chính tả); học chữ mới (viết, đọc và giải thích cách nhận diện mặt chữ), ghép vần, ghi nhớ, củng cố (bài đọc và viết chính tả).

Phần giải thích mặt chữ là những quy tắc thực hành đúng đắn, như “**ă, â** chỉ dùng để chấp vần, không đứng một mình và không đứng cuối chữ” (bài 7). Qui tắc về phân biệt **i/ y** được gói gọn trong hai dòng: “khi nào chữ **i** dùng một mình hay đứng đầu chữ và trước chữ **ê** thì đổi ra **y**...chữ **ki** hay viết **ky**, **li** hay viết **ly**” (bài 24). Cũng vậy, qui tắc dùng dấu câu được trình bày hết sức đơn giản và chính xác (bài 37). Sách ***Văn Quốc ngữ*** cũng có nhận xét tinh tế về chữ viết “không viết **ge, gê, gi** mà phải dùng **gh** đọc là gờ kép”. Vẫn biết thế là vô lý nhưng “xưa nay viết thế, ta cứ tạm theo” (bài 11) mà sau này, thậm chí hiện nay, nhiều người vẫn muốn “cải tiến chữ Quốc ngữ” ở những cách viết này.

Phần ghép vần (chấp vần) được nhất loạt trình bày theo cách chia vần, mỗi tiếng chia thành hai, như am = a-m, tam = ta-am, ách = a-chờ... đọc theo nguyên tắc đọc to, đọc bé (hoặc đọc nhanh, nhẹ) cho dính liền nhau... Như vậy, các tác giả của ***Văn Quốc ngữ*** đã cảm nhận được trọng âm của từ, gánh nặng âm vị học dồn cho nguyên âm. Tuy nhiên điều này là chưa thích hợp với từ có nguyên âm đôi “ua, ia, ư...” hoặc âm đệm.

Phần củng cố, ***Văn Quốc ngữ*** đã dạy nhớ theo ngữ cảnh, cố gắng đặt các từ khác nhau về âm đầu, thanh điệu vào trong cùng một câu, như “*Đã làm rồi tung lại còn nói dối*”, “*đầu năm sang sông để xông đất*”. Nhiều cách viết *Tiếng Việt* thực hành cho sinh viên hiện nay vẫn làm theo cách này.

Có thể nói, *Văn Quốc ngữ* là tài liệu cơ bản dùng để soạn những bài giảng cho các lớp bình dân học vụ trong phong trào diệt giặc dốt mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra ngay từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám.

Xuất bản lại *Văn Quốc ngữ* - một tài liệu giáo khoa có giá trị lịch sử - là một cách tri ân những người tâm huyết và nhiều công sức trong phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ.

Giáo sư - Tiến sĩ
NGUYỄN ĐỨC DÂN

HỘI TRUYỀN BÁ HỌC QUỐC NGŨ

Sách vẫn đã có nhiều. Cũng có nhiều quyển có những phương pháp, nhưng cốt để dạy trường công hay tư mà học trò có nhiều thì giờ để học, và thầy giáo đều là những người đã quen nghề dạy.

Mục đích chúng tôi làm một quyển vẫn để dạy dễ dàng vì Hội Truyền bá học Quốc ngữ phải chú ý tới những người quá tuổi đi học trường và tất cả những người vì hoàn cảnh không đi trường học được.

Những đặc điểm của quyển sách này là dùng hết mọi phương diện của sự ký ức: nhớ vì tập quán, vì hình tượng tự, vì tiếng tương tự; nhớ bằng tai, bằng mắt, bằng tay. Nhưng chúng tôi cố ý không lạm dụng sự tập quán, vì nó thường làm hại cho sự suy nghĩ của học trò nước ta. Dùng sự tập quán là như chúng tôi đặt ra những câu lục bát để cho học trò dễ nhớ mặt chữ trong mấy bài đầu, dùng hình tượng tự như ghép **i t** với nhau, tiếng tương tự như dạy *am, em, im, om*, cùng nhau.

Vì những lẽ ấy nên chúng tôi dạy chữ có âm, chữ không âm, dấu lẫn lộn cùng nhau. Trong các bài đầu, học trò đã biết đọc và viết những tiếng cần dùng. Ấy là một cách khuyến khích, nhất là cho người lớn.

Chữ không âm thì chúng tôi không đọc như xưa. Chúng tôi đọc **b** là bờ, **c** là cờ, **kh** là khờ, vì khi xưa học **ca** là xê a ca là vô lý. Chúng tôi làm quyển này cốt để cho xứ Bắc Kỳ, nên nhân tiện muốn tìm cách chữa một vài tiếng vì tập quán mà đọc sai, như **l, r, s, tr** đọc nhầm ra **n, d, x, ch**. Cách dạy rất là giản dị, vì không chỉ dạy một tiếng mới mà chỉ chữa một tiếng cũ mà thôi. Vậy mà không cần mô tả cách đọc một cách hoàn toàn và phiền phức.

Còn cách học vẫn nhất là vẫn trắc, và cách chấp vẫn, chúng tôi dùng một cách mà chúng tôi gọi là phép “chia vẫn” như sẽ giải trong sách.

Nói tóm lại sách này nội dung xem ra rườm rà, có nhiều điều nhắc đi nhắc lại, xem qua tường không có thứ tự chi cả. Nhưng mà chúng tôi cố ý làm như thế vì những lẽ đã kể trên. Sau lại, sách này cốt để cho hết thầy mọi người biết đọc, biết viết có thể dùng nó mà làm thầy được. Còn những người đã quen với nghề dạy thì cũng nên theo phương pháp dùng trong này, nhưng cũng mặc lòng tùy tiện thêm bớt.

Sách gồm có bốn mươi bài. Đối với trẻ con thì một ngày dạy một bài, còn người lớn thì có khi một ngày dạy hai bài cũng được.

Học trò thì phải có vở để chép bài, rồi học trong vở. Nhưng trong sách có phần in bằng chữ thường, học trò dùng mà học cũng được.

Sách tuy là làm cho người nói giọng (chứ không phải tiếng) Bắc học, nhưng sửa đổi ít nhiều, tùy chỗ nói sai, để dạy học trò nói giọng Trung hoặc Nam cũng rất dễ.

Phương pháp dạy trong sách này chúng tôi đã đem thực hành ở mấy chục lớp học thứ nhất của Hội Truyền bá học Quốc ngữ tại Hà Nội từ tháng Septembre năm 1938, đã thấy kết quả tốt đẹp. Nhờ các ông bà giáo dạy giúp hội trong những lớp ấy, chỉ bảo những khuyết điểm ở bản thảo chúng tôi đã cân nhắc sửa chữa, mới đưa xuất bản.

Tuy vậy, hễ anh em, chị em đồng bào ai còn thấy có chỗ nào cùng điều gì nên sửa đổi lại nữa thì cứ lấy chân tâm mà mách bảo cho chúng tôi.

Xin vui lòng bái giáo.

Hà Nội, tháng Tám năm 1938

BÀI ĐẦU

i, t

i . Viết chữ **i** lên bảng và bảo học trò đọc năm lần và nhận lấy mặt chữ: *i* hình như cái móc, có chấm trên đầu.

Cách tập viết: Đưa ngòi bút nhẹ lên, kéo hơi mạnh xuống rồi đưa ra bên tay phải; trên đầu chấm một cái vào khoảng giữa ô trên.

Bảo học trò lấy phấn viết hoặc lấy que vạch xuống đất. Mỗi người viết mười lần, vừa viết vừa nhẩm lại cách viết dạy trên này. Xong rồi bảo một người viết chữ *i* và hỏi những người khác như thế có đúng hay không? Nếu không thì hỏi ai biết chữa và chữa thế nào.

Bài học nào thầy giáo cũng nên theo cách tập viết trên này.

t Viết chữ **t** lên bảng, bảo học trò đọc *tờ* năm lần (không bảo đọc là *tê* như xưa).

Mặt chữ *t* hơi giống chữ *i* nhưng cao hơn và không có chấm, mà lại có vạch ngang.

Cách tập viết: Đưa bút nhẹ nhẹ lên cao hơn chữ *i*, kéo mạnh xuống rồi hất lên bên phải; vạch ngang lưng. Theo như lời dặn trên mà bảo viết, mỗi người viết mười lần, vừa viết vừa nhẩm lại cách viết. Bảo một người viết lên trên bảng rồi bảo những người kia chữa v.v..

Câu truyền khẩu: - Thầy giáo bảo học trò nhắc đi nhắc lại hai câu này:

*“i, t giống móc cả hai,
i ngắn có chấm, t dài có ngang”.*

Bảo học trò học thuộc lòng hai câu ấy, rồi giảng nghĩa và viết lại hai chữ *i, t*.

Chấp vắn: Viết liền hai chữ **t, i**. Hỏi chữ trước là chữ gì, chữ sau là chữ gì. Bảo đọc *tờ, i*. Đầu tiên đọc hai tiếng rời nhau, sau lại nói hai tiếng liền nhau, càng đọc càng nối liền, rồi bảo, thế là thành tiếng **ti**, như *bé tí ti*.

Giảng rằng hai chữ cái viết liền nhau như thế là thành một tiếng. Chữ này là **ti**, bảo mọi người đọc *tờ i tí* mười lần.

BÀI THỨ HAI

u u n

Đọc và viết ôn bài hôm trước.

Trước khi học bài mới, thầy giáo gọi một học trò bảo: **t** viết thế nào? Khác **i** bởi gì? Bảo đọc chậm và giảng câu truyền khẩu. Hỏi **ti** viết thế nào?

u Viết chữ **u** lên bảng, bảo đọc **u** và nhận rõ mặt chữ: hình hai cái móc nối nhau, hay là hai chữ **i** nối nhau mà không có chấm.

Cách tập viết: Chữ **u** cao một ô. Đưa lên kéo xuống, hát lên lại kéo xuống, hát lên. Bảo học trò vừa viết vừa nhẩm cách viết. Thầy giáo theo lời dẫn ở bài đầu.

ư Chữ **ư** giống chữ **u** chỉ khác vì cái râu. Theo cách tập viết đã giải.

Câu truyền khẩu: *u là hai móc liền nhau*

chữ ư khác bởi trên đầu có râu

Bảo học thuộc lòng và giảng nghĩa hai câu này.

n Viết chữ **n** lên bảng, bảo đọc **nờ** (*thầy giáo nhớ đừng đọc là en-nờ*). Bảo nhận mặt chữ giống chữ **u** lộn ngược.

Cách tập viết: Móc bên trái: đưa lên vòng kéo xuống. Móc bên phải: đưa lên vòng kéo xuống, hát lên.

Bảo học trò vừa viết vừa nhẩm cách viết, viết mười lần, rồi bảo một người lên bảng viết và bảo mọi người bình phẩm và chữa lại.

Chấp vắn: Theo cách chấp vắn đã giải ở bài đầu: **nờ i ni, nờ u nu, nờ ư nư**.

Hỏi: **ni** như *nờ i ni* thì viết thế nào? *i nu* như *nu na*? *đi tu* thì *tu* viết thế nào.

Bài tập đọc và để làm bài ám tả hôm sau.

u i ư ti tu tư ni nu nư

BÀI THỨ BA

o ô ơ a m

Ám tả bài thứ hai.

Viết chữ **o** lên bảng, hỏi giống cái gì, trả lời: quả trứng. Bảo đọc **o**.

Cách tập viết

o Đặt bút phía bên trên phát vòng sang bên trái kéo xuống rồi đặt lại vòng tròn: viết và đọc mười lần.

ô Viết chữ **o**, hỏi chữ gì. Thêm dấu mũ, bảo thế là thành chữ **ô** đọc *ô* như cái *ô*. Hỏi dấu ấy hình giống cái gì? Trả lời cái nón. Bảo dấu ấy gọi là dấu mũ.

ơ Viết **o** thêm râu, bảo đọc **ơ**. *Ơ thờ ơ thơ*. Theo cách tập viết chữ **o** mà viết.

Viết ba chữ **o**, **ô**, **ơ** bảo đọc tiếp liền nhau năm lần hỏi có chữ gì có râu nữa không?

– Chữ **ư**: Hỏi **ư** bỏ râu thành chữ gì?

Câu truyền khẩu: *O tròn như quả trứng gà
Ô thì đội mũ, Ơ là thêm râu*

a Viết chữ **a** lên bảng bảo đọc mười lần. Mặt chữ: bên trái là chữ **o**, bên phải thêm cái móc. Tập viết.

Câu truyền khẩu: *a, o hai chữ khác nhau
Vì a có cái móc câu bên mình*

m Viết chữ **m** và đọc *mờ* (nhớ đừng đọc chữ em *mờ*) như *mờ* tối.
Mặt chữ thêm một cái móc đứng trước chữ *nờ*.

Chấp vần: Theo phép chấp vần bằng cách đầu mà chấp: *mờ o mo* (mơ cau), *mờ ơ mơ* (mơ màng), *mi* (chim họa mi), *mu* (mu rùa)

Bài tập đọc và âm tả để hôm sau

*o ô ơ a na ta to ô tổ ta mơ mi
ta tơ to ta no tu mi*

BÀI THỨ TƯ

Dấu \ / ʔ ~ .

Ấm tả bài trước.

Dấu ** : Viết **a, à. Bảo đọc chữ đầu, giảng: chữ thứ hai đọc **à**, rồi bảo đọc **a à** nối nhau. Giảng: dấu trên này gọi là **dấu huyền**: viết nó từ trái sang phải, và hơi nghiêng về phía phải. Bảo đọc năm lần: *ma (mờ-a), mà (mờ-à); ta, là, na, nà*.

Dấu / : Viết **a, á, ớ**. Bảo đọc hai chữ đầu. Giảng: chữ thứ ba đọc **á**. Bảo đọc ba chữ nối nhau. Giảng: dấu trên đầu chữ **á** gọi là **dấu sắc**. Viết từ trên xuống dưới kéo xuống hơi mạnh sang bên trái trông như hình lưỡi dao sắc. Bảo đọc năm lần: *a, à, á, ma, mà, má, ta, tà, tá, na, nà, ná*.

Dấu . : Theo cách trên này mà dạy: **a, á, à, ạ**. Giảng dấu này là **dấu nặng** hình cái chấm, vì nặng nên đánh ở phía dưới chữ. Đọc năm lần *a, à, á, ạ: ma, mà, má, mạ*.

Dấu ʔ : đọc **a, à, á, ạ, ả**. Giảng dấu này đọc là **dấu hỏi**, hình gần giống như dấu sắc nhưng có vòng nhỏ, thân hình lom khom như có ai hỏi việc gì. Đọc năm lần *a, á, à, ạ, ả: ma, mà, má, mạ, mã*.

Dấu ~ : đọc **a, á, à, ạ, ả, ã**. Giảng dấu này đọc là **dấu ngã**. Hình giống dấu hỏi nhưng ngã nên nằm ngang. Đọc năm lần *a, à, á, ạ, ả, ã: ma (con ma), mà, má (gò má), mạ (cây mạ), mã (mồ mã), mã (đồ mã)*. Giảng đây là năm dấu huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng.

Huyền ngang, Sắc dọc, Nặng tròn

Hỏi khom lưng đứng, Ngã buồn nằm ngang

Bảo đọc:	a, à, á, ạ, ả, ã
	o, ò, ó, ọ, ô, õ
	ô, ồ, ố, ộ, ỗ, ỗ
	ơ, ờ, ớ, ợ, ở, ở
	i, í, ì, ï, ỉ, ã

Chấp vắn và tập đọc – Theo phép chia vắn ở bài đầu.

lơ lơ lờ lơ lơ, ni nì ní nị nỉ nĩ, ú ớ, tù mù

nó tí mĩ, tớ ú ớ, mợ nó ở mở

BÀI THỨ NĂM

e ê l

Âm tả bài trước.

e Viết và đọc **e** như tiếng trẻ con khóc. Mặt chữ: hình chữ **i**, nhưng lưng còng và không có chấm.

Tập viết: Đặt bút giữa ô, đưa lên vòng trở lại, kéo xuống hất lên. Bảo chữa chữ **i** ra **e**.

ê Hỏi dấu gì? Bảo đọc **ê**. Hỏi có chữ gì có dấu mũ nữa không?

Chấp vần và dấu: *mờ-e me* (quả me), *nờ-ê nê* (ăn no nê), *tê* (tê chân).

Bảo đọc lại **a, o** với năm dấu. Xong bảo đọc *e, é, è, ẹ, ê, ẽ; ê, é, è, ẹ, ẽ* đọc năm lần.

Chấp vần *mê* (cá mè), *mẹ* (mẹ con), *mẻ* (sứt mẻ), *tê* (tê chân), *tẻ* (chính tẻ), *tế* (tế lễ), *tệ* (ăn ở tệ), *tể* (tể tướng).

l Viết **e** và **l**, hỏi: chữ ấy khác nhau thế nào? Bảo chữ cao đọc **lờ** như *lờ đờ*. Bắt những học trò đọc sai phải đọc cho đúng, vì có người đọc *lờ* ra *nờ*. Nếu gặp hạng người này thì viết **n** bên cạnh mà so sánh. Bảo đọc **n**, tự nhiên là họ đọc đúng.

Giảng: lúc đọc **n** thì đầu lưỡi dính vào mái ngói trên; muốn đọc **l** thì để đầu lưỡi ra ngoài một tí.

Chấp vần: Theo cách chấp vần ở bài đầu mà chấp. *lờ-e le* (chim le), *lẻ* (lẻ lưỡi), *lẻ, lẻ* (lẻ loi), *lẽ* (lời lẽ); *lê* (quả lê), *lẻ* (lẻ lối), *lệ* (luật lệ), *lẻ* (kẻ lẻ), *lẽ* (lễ cưới).

Nên nhớ: Bắt đầu từ bài này, nên bắt học trò đánh vần nhẩm và đọc thẳng cho thành tiếng.

Bài đọc và Âm tả.

le te, tê mê, lẻ tẻ, mẹ ta lo, nó tế lễ, mợ nó la ta, la lẽ mẹ ta: lê, na, nó lờ ở mí.

BÀI THỨ SÁU

b am êm im om um

Ám tả bài trước.

b Viết chữ **l** lên bảng rồi hỏi chữ gì, viết chữ **b** bên cạnh, bảo đọc *bờ* như *bờ ao*. Nhận mặt chữ: **b** khác **l** thế nào? Tập viết: bắt đầu viết như chữ *lờ*, nhưng cuối cùng không hất ra và lại quặp vào rồi vòng bẻ ra.

Chấp vần: Theo phép chia vần mà chấp *bờ-a ba, bà, bé, bo, bỏ, bỏ, bợ, bợ, bờ, bí* v.v... Mỗi vần có dấu thì hỏi theo cách thế này: “*bờ-à* đọc gì? – *bà* như ông *bà*.”

am êm im om um Viết chữ **am**, hỏi chữ đầu chữ gì, chữ sau chữ gì. Bảo đọc *a-mờ* liền nhau, năm lần. Rồi bảo đọc **a** cho to mà **mờ** cho bé, càng đọc, càng chóng. Bảo thế là thành **am**; như *am hiểu*. Theo cách chia vần như thế này mà dạy như mấy chữ sau. Mỗi khi lại lấy nghĩa mà giảng tiếng mới đọc thành: như *em* (anh em), *im* (im lặng), *om* (om sòm), *um* (um tùm). Nhớ dạy bài này cẩn thận vì đây bắt đầu học vần trắc.

Chấp vần: Viết **tam**, lấy tay che **m**, bảo đọc **ta**, che **t** bảo đọc **am**. Dạy đọc **ta-am** vài lần; rồi đọc **ta** to mà **am** bé thế thành **tam**. Theo cách ấy mà dạy *nam* (phương nam), *tim* (quả tim), *nem* (nem nướng), *nom* (trông nom).

Viết **âm** bảo đọc **â-mờ**, rồi đọc **â** to, **mờ** bé thành **âm**. Chấp vần *làm, tìm*. Dạy âm đọc *tám, ném, tùm*. Chấp vần *tam, nôm*.

Bài đọc và Ám tả

em bé bú mẹ, nó lo làm lam lũ, bà nó móm, bố mẹ em tìm em, bò to bê bé, ở bờ am lá um tùm, em ta la om.

BÀI THỨ BẢY

h ă â ăm âm êm ôm om

Ám tả bài trước.

h

Viết và hỏi có phải chữ **l** không? khác vì gì? có phải chữ **b** không?

Bảo đọc **hờ**. Hỏi cái móc bên phải ở chữ nào có. Bảo chữa chữ **n** ra chữ **h** viết và đọc mười lần.

Chấp vắn: hờ a ha, ho, hô, hơ, hu, hư. Hê (hờ-ê), hô, ho, hớ, hũ, hồ, ham, hòm.

ă, â

Viết **ă** bảo đọc **á**. Mặt chữ: chữ **ă** dấu hình bán nguyệt. Hỏi á đọc thế nào.

Giảng hai chữ đọc như nhau, nhưng **ă** chỉ chấp vào vắn mà thôi. Đừng giảng dài quá mà rối trí học trò.

Viết **â**. Hỏi dấu trên đầu là dấu gì? Đã thấy ở đâu chưa? Dạy đọc ớ. Hỏi ớ đọc thế nào? Rồi giảng rằng **â** chỉ dùng để chấp vắn. Giảng **â, ă** không đứng một mình và không đứng cuối chữ, thí dụ: *ú, á, ú, ớ: má* chớ không phải *mă*. Hai chữ ấy chỉ đứng đầu chữ, hay là giữa chữ. Xem sau sẽ rõ.

ăm, âm, êm, ôm, om Theo phép chia vắn trắc ở bài trước mà dạy; nhớ đọc to chữ có âm và đọc bé chữ mờ.

Chấp vắn: *hâm* (hờ-âm), *mâm* (mớ-âm), *mềm, nếm, hôm, tomorrow, bọm*.

Tập đọc và Ám tả

hăm hờ, ham mê, hôm hăm tám, mẹ ta làm lễ, em ham tìm nắm lăm, năm nọ em ho tám hôm, em ham tắm lăm

BÀI THỨ TÁM

an ăn ân en ên in on ôn ơn un

Âm tả bài tập đọc hôm trước.

Bài mới: Theo cách chia vần mà dạy **an, ăn, ân, en, ên, in, on, ôn, ơn, un.**

Thí dụ: **an** đọc **a** lớn **nờ** bé, bảo thế là tiếng **an**, như bình an.

Tan: đọc *tờ -an* hay *ta an* thành *tan*. Hỏi hơn viết thế nào? Bảo đánh vần và viết *hòn* (hòn đá), *mặn* (mặn mà), *bắn* (bắn thiêu), *tốn* (tốn kém), *hỗn* (hỗn hào), *lùn* (lùn chùn).

Bài tập đọc và Âm tả để hôm sau

ăn năn, từ tốn, ôn tồn, tấn mấn, nó ăn no nó tắm nên bị ốm, ơn mẹ to hơn non, ta nên làm ăn tận tâm, em tên là tốn, nó tên là nam, bà nó bán bún, bạn ta tin ở ta, ở bên bản bùn bản lấm.

BÀI THỨ CHÍN

d đ và ôn lại

Âm tả bài tập đọc trước.

d Viết chữ **a** hỏi chữ gì, rồi chấp thêm nét sổ gọi là chữ **đờ**. Viết và đọc mười lần.
Mặt chữ: chữ **e** thêm cái móc cao đầu.

đ Viết chữ **đ** bên cạnh chữ **d** bảo đọc **đờ**. Hỏi *d* khác *đ* bởi đâu? Có chữ gì có gạch ngang nữa không?

Chấp vần: *dờ-a da* (da thịt), *dê* (con dê), *dơ* (dơ bẩn), *đô* (đô la), *dở* (dở việc), *dân* (dân da), *đa* (cây đa), *để* (để mà), *đỗ* (thi đỗ), *đan* (đan thúng), *đếm* (đếm tiền).

Bài tập đọc:

do dự, dần dà, dòm nom, dữ tợn, đi đêm, nó ăn ở dơ bẩn, nên nó bị ốm.

đom đóm ban đêm.

em ta lớn dần, mà đã lớn hơn em nó.

da dê đen lốm đốm đỏ,

ban đêm nên đi dần dà, nên đem đèn đi.

BÀI THỨ MƯỜI

qu ai oi ôi ới ui ưi

Âm tả bài trước.

qu Viết chữ **q** bảo đọc **cu**. Mặt chữ: một vòng và một sổ. Viết và đọc năm lần.
Xong rồi viết chữ **u** liền sau và bảo đọc **quờ**. Viết và đọc năm lần.

Chấp vắn: *quờ-a qua* (qua lại), *què* (què quặt), *quế* (quế thanh), *quỷ* (ma quỷ), *quan* (quan tiền), *quên* (bỏ quên), *quần* (quần áo).

ai oi ôi ới ui ưi

ai . Viết ai bảo đọc a lớn i bé. Ban đầu đọc rời nhau, sau cùng đọc càng liền bảo thế là thành ai như ai đó. Đọc năm lần ai (chớ không đọc *a-i-ai* ba tiếng đều nhau).

Chấp vắn: *tờ-ai-tai* (tai mắt), *mai*, *nài*, *bãi*, *lại*, *quái*. Theo cách trên mà dạy *oi*, *ôi*, *oi*, *ui*, *ưi*.

Bài tập đọc

quỷ quái, tôi bời, túi bụi.

ai oi, nên lo làm ăn, tôi qua lại để làm quen, quỷ quái quá bị tội, quê quán tôi ở Hà Nội, mùi hôi hám bởi tại bẩn, tôi quên lại mời bà tới.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

g gh ng ngh

Âm tả bài trước.

g Viết chữ **q**, hỏi chữ gì. (Nhớ rằng lúc nào hỏi điều gì dễ thì chọn học trò nào kém nhất). Rồi chữa thành chữ **g**: bảo đọc **gờ**. Mặt chữ: chữ **q** vòng đuôi lên.

Chấp vắn: *gờ a ga* (nhà ga), *gà, go* (cái go), *gò, gô, gồ, gơ, gở, gu, gụ, gự, gan, gửi, gọi, gói*.

gh Viết lên bảng **ge, gê, gi** dẫn học trò dùng chép và hỏi đọc thế nào. Tự nhiên là học trò đọc *gờ-e ghe, gờ-ê ghê, gờ-i ghi*. Xong rồi, thầy giáo nói thế là rất phải, nhưng muốn viết **ghe, ghê, ghi**, thì lại phải dùng **gh**, đọc là gờ kép. Viết và bảo học trò chép.

Ghe (*gờ kép e gờ-e ghe*), **ghê, ghi**.

Nếu có ai hỏi vì lẽ gì thêm **h** sau **g** thì thầy giáo đáp rằng thế là vô lý, nhưng xưa nay viết thế, ta hãy cứ tạm theo.

Chấp vắn: Ghê, ghé, ghen

Nhắc lại rằng chữ **gờ** viết hai cách, *gờ đơn* và *gờ kép*, *gờ đơn* là g đứng một mình, *gờ kép* là có thêm chữ **h**. Chữ *g đơn* đứng trước *a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư*; còn chữ *gh kép* dùng đứng trước chữ *e, ê, i*.

Viết **ng** bảo đọc *ngờ* như *nghi ngờ*. Đọc *ngờ-a nga, ngo, ngô, ngu, ngư*.

ng **Chấp vắn:** *ngà, ngó, ngỗ, ngù, ngòi, ngừi*.

ngh Giảng rằng đáng lẽ **nghe** và **nge**. Nhưng cũng như *ghe* viết bằng *gờ kép*, **nghe** phải viết bằng *ngờ kép* **ngh**. Đứng trước *e, ê, i*, *ngờ đơn* phải đổi thành *ngờ kép*: *nghe, nghe, nghi*.

Đọc *nghe, nghe, nghi, ghen*.

Bài tập đọc

Ghe góm, ngăn ngừa, ngó nghê.

Đi gọi gà, nghe ngài ở gần gũi, tôi ghé lại. Da nó bẩn quá, nên tắm gội.

Ai đi đó ngó bộ gọn ghẽ lắm. Nó ngồi ngủ bên ghế gổ, gọi nó, nó làm bộ ngó ngán.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

c k ang ăng âng ong ông ung ưng

Âm tả bài hôm trước

c Viết chữ **c**, dạy đọc *cờ*, như lá cờ. Hình thức **c** giống chữ **e**, nhưng đầu chỉ hơi quặp vào chờ không vòng hẳn.

Viết chữ **c** bảo chữa ra chữ **e**. Viết chữ **e** bảo chữa ra chữ **c**.

Chấp vắn: ca (cờ-a), co, cô, cơ, cu, cur, cả, có, cộ, cờ, cũ, cam, con, com.

k Viết chữ **k** bảo đọc *ca* năm lần. Hỏi chữ **k** giống chữ gì. Viết **h** hỏi **h** khác **k** bởi gì. Bảo chữa **h** ra **k** (thêm cái móc). Tập viết mười lần.

Viết **h** hỏi **h** khác **k** bởi gì. Bảo chữa **h** ra **k** (thêm cái móc). Tập viết mười lần.

Viết lên bảng **ce**, **cê**, **ci** bảo học trò đừng chép rồi bảo ai đọc được ba chữ ấy. Có người đọc *ke*, *kê*, *ki*. Thầy giáo đáp thế là đúng lẽ lắm. Nhưng người ta lại viết *ke*, (ca-e), *kê*, *ki*. Bảo học trò chép.

Hỏi đã gặp cách viết vô lý như thế lần nào chưa? Và nhắc lại vắn: *g, gh, ng, ngh*.

Chấp vắn: kê, kẻ, kĩ, kém, kèm, kim.

ang ăng âng ong ông ung ưng

Viết **an** bảo đọc, và đọc cách CHIA VẦN: đọc *a-nờ*, *a lớn*, *nờ bé*.

Rồi viết **ang**, che **ng** bảo đọc **a**, và che **a**, bảo đọc *ng* (ngờ). Bảo đọc **a lớn**, **ngờ bé**; đọc cho liền nhau tại thành **ang**. Bảo đọc **ang**, **an** năm lần.

Chấp vắn: mờ-ang = mang (hay là ma-ang), hang, đang, ngang, bàng, lạng, tảng, cang.

Theo cách trên mà dạy mấy vắn sau:

ăng, hăng, măng, bằng, nặng

âng, nâng, dâng, đáng

ong, mong, cong, lòng, hong, ngóng, bóng

ông, công, lông, mọng, nồng, tông, gông

ung, tung, đúng, dùng, cũng, bụng

ưng, nưng, từng, đứng, cứng.

Bài tập đọc

*cò kè, cặm cùi, con kén, long đong
cô mang đồ nặng quá, cần có kẻ đỡ
tôi làm bài kĩ càng, ông tôi bằng lòng lắm
mẹ tôi gọi tôi dặn, con nên hăng hái làm lụng, ông bà cùng mẹ ai ai cũng mừng.
con cò đang đứng đợi, bỗng cúi cổ mổ con cá*

BÀI THỨ MƯỜI BA

at ăt ât et êt it ot ôt ơt ut ưt

Ấm tả bài hôm trước.

Theo cách chia vần mà dạy những vần này; thí dụ: **at**. Đọc **a** lớn **tờ** bé, rồi đọc **a** mạnh mà **tờ** thì đọc trong miệng mà thôi; bảo thế là **ăt**.

Giảng rằng không có tiếng *àt, ảt, ẫt* và *at* không dấu. Muốn viết *ăt* thì thêm dấu sắc. Thí dụ: *bắ, cá, hát, mát. Đọc quạ, gạ.*

Chấp vần: ăt, bắt, gặt

- | | | |
|----------------|-----------------|----------------|
| - ăt, mát, tăt | - et, ghét, kệt | - êt, kết, dết |
| - ot, lót, bốt | - ôt, cột, đót | - ơt, bốt, lốt |
| - ut, hút, mựt | - ứt, mứt, hựt | |

Bài tập đọc

Mát mát, cót két, cút kít.

Cô dốt nát mới bị bắt nạt.

Đi đứng ăn nói đừng nên dút dát.

Kẻ có bụng tốt, ăt là ít ai ghen ghét.

Năm hết tết đến, ai cũng lật đật tăt tả.

Nên bót một ít cơm để kẻ đói ăn.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

nh ac ăc âc oc ôc uc ưc

Âm tả bài trước.

nh Viết chữ **nh**, hỏi hai chữ gì? Bảo đọc **nhờ** như *nhờ cây*. Đọc *nho, nhà, nhẹ, nhẹ, nhờ, nhờ*.

Hỏi **ng** đọc thế nào. Bảo đọc *ngo, nho, nghĩ, nghĩ*.

Đọc: *nhai, nhát, nhút, nhũn, nhận*.

ac ăc âc oc ôc uc ưc

Theo phép chia vần mà dạy. Xem bài thứ 14. Nhớ nhắc rằng những vần này chỉ có âm với dấu sắc và dấu nặng.

ac: bác, lạc, nhác

ăc: mắc, nhấc, đặc

âc: gác, tác

oc: nóc, nhọc, học

ôc: lóc, cóc, gộc, độc

uc: cúc, lúc, mục, tục

ưc: bức, mực, nhức

Bài tập đọc

nhắc nhóm, lúc nhúc, nhũn nhận

Nhác học ắt là dốt nát.

Các em nhớ đọc đi, đọc lại bài học.

Nhà có nóc. Tóc bác mọc ít quá.

Lúc nóng mực, nhớ nhấc tấm gỏi.

Nhân lúc nhọc nhân em ta nhác học.

BÀI THỨ MƯỜI NHĂM

v r anh ênh inh

Ấm tả bài trước.

v Viết **v** bảo đọc **vờ** (như vờ vĩnh). Hình chữ: một cái móc đuôi cong vào và xoay ra tay phải.

Chấp vắn: va, ve, ví, vợ, và, vé, vị, vờ, vác, vóc, vàng, vực.

r Viết **r** và đọc **rờ**. Giảng rằng nhiều người đọc **r** cũng như **d** nên viết hay nhầm lẫn. Vậy phải đọc cho phân biệt.

Viết chữ **d** rồi bảo đọc, tất nhiên là học trò đọc đúng. Bảo đọc **d** vài lần rồi giảng rằng lúc đọc **d** thì đặt đầu lưỡi gần chân hàm răng trên. Muốn đọc **r** thì cũng đọc như vậy, nhưng cong lưỡi lại và cho đầu lưỡi dính vào trong một tí. Lúc đọc **rờ** thì đầu lưỡi hơi rung.

Mặt chữ: hình cái móc đuôi của chữ **n**, nhưng đầu có vòng bé.

Viết xong rồi đọc **d, r** năm lần.

Chấp vắn: *ra* (ra đi), *da* (da thịt), *ru* (ru em), *du* (du lịch), *rồi* (xong rồi), *dối* (dối lộn), *rói* (tóc rói), *dối* (dối trá), *rời* (rụng rời), *dời* (đổi dời), *rùng* (rùng mình), *dùng* (dùng tiền).

Theo cách chia vắn mà dạy, xem bài thứ 12. Thí dụ: anh. Đọc **a** lớn, **nhờ** bé, càng đọc, càng liền hai tiếng. Bảo thể thành anh.

anh, bánh, hành, mạnh, rãnh, rãnh (cái rãnh)

ênh, mênh mông, bênh bông, bệnh

inh, tinh, minh, kính, định, tinh, lĩnh

Bài tập đọc:

rung rinh, ranh mãnh

Đi ra với anh em, mình đừng có vênh vang.

Lúc học rồi, ra tỉnh lĩnh bằng.

Kẻ mạnh nên bênh vực kẻ hèn.

Lúc rãnh nên học hành hơn là đi vơ vẩn.

Đã làm rói tung lại còn nói dối.

Nghe tin dữ, mình những rụng rời, đứng vơ vẩn như là kẻ dại.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

ch tr và ôn lại

Âm tả bài trước

ch

Viết **ch**, bảo đọc **chờ**, như chờ đợi.

Chấp vắn: cha, che, chê, chi, cho, chu, chẻ, chế, chề, chỉ, chị, chanh, chắc, chục, chật.

tr

Viết **tr**, hỏi hai chữ riêng nhau đọc thế nào. Bảo đọc **trờ**. Tiếng này khó đọc, thường lẫn với **chờ**. Nên đọc cho phân biệt. Muốn tập đọc cho đúng, theo cách sau này:

Viết **ch**, bảo đọc **chờ** như **chờ đợi**. Đọc năm lần, rồi giảng: lúc đọc **chờ** thì đầu lưỡi dính vào chân răng hàm trên; muốn đọc **trờ** thì cũng đọc như vậy, nhưng cong lưỡi một tí và rút lưỡi vào một tí.

Nhắc lại rằng: cong lưỡi vào thì đọc **ch** hóa ra **tr**, **d** hóa ra **r**. Rồi bảo đọc năm lần **ch, tr, d, r**.

Nếu có người không phân biệt được thì bảo rằng: tuy đọc không phân biệt được nhưng viết thì phải phân biệt, *cha* (cha mẹ) và *tra* (tra khảo); *che* (che chở) và *tre* (cây tre); *chê* (khen chê) và *trê* (cá trê); *chung* (chung quanh) và *trung* (Trung kỳ); *chúng* (chúng ta) và *trúng* (trúng số); *chanh* (quả chanh) và *tranh* (bức tranh, tranh nhau); *chắc* (chắc chắn) và *trắc* (trắc trở, gổ trắc); *chật* (chật chội) và *trật* (xe trật bánh, trật tự).

Bài tập đọc

chờ vợ, trờ trọi, che chở, trông mong chờ đợi

anh em một nhà, đừng có tranh giành nhau, ai là bậc cha chú nên nói rõ cho con em nghe.

cùng chung trong làng chớ có cãi cộ

trên ra trên, bé ra bé cho có trật tự

trong mặt trăng có hình trông như núi

nói năng đừng có hàm hồ, hễ có chắc chắn, mới nên nói, nên cho lời nói mình là quan trọng, chớ bạ chi cũng nói.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

ph ach êch ich

Âm tả bài trước.

ph

Viết chữ **p**, dạy đọc **pờ**. Chữ **pờ** bên trái một sổ, bên phải liền cái móc.

Hình chữ **p** giống chữ **n**, nhưng cái sổ bên tay trái dài mà thò xuống.

Viết **h** liền sau **p**, bảo hai chữ liền nhau đọc là **phờ** như **bờ phờ**. Viết và đọc mười lần.

Chấp vần: *pha, phe, pho, phơ, phu, phà, phá, phí, phó, phụ, phạt, phen* (phen tre), *phoi, phật* (ông Phật).

ach êch ich

Theo cách chia vần mà dạy, xem bài thứ 12. Thí dụ: *ach* (a-chờ), *ách* (cái ách trâu bò), *cách* (xa cách), *rách* (áo rách), *vách* (bức vách), *ếch* (con ếch), *lệch* (lệch lạc), *chéch* (chênh chéch), *ích* (ích lợi), *dịch* (bệnh dịch), *ních* (chật ních), *tích* (cổ tích).

Bài tập đọc

phá phách, phũ phàng, chênh chéch

Vở anh để lệch, dịch đi một tí.

Gà vịt có ích cho ta. Lúc còn bé, ta phải vâng lời cha mẹ.

Lúc no ấm, ta phải tích trữ để phòng lúc đói rách, chớ nên phung phí quá.

Đừng chơi gàn phen, gàn vách, nhớ lúc vách đổ, nó đè phải mình.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM

th ap ăp âp ep êp

Âm tả bài trước.

th Viết **th** hỏi hai chữ gì, dạy đọc *thờ* như *thờ thần*.

Chấp vần: tha, tho, thơ, thu, thư, the, the, thi, thà, thờ, thú, thứ, thị, thỏ.

than (than củi), tham (tham lam), thông (cây thông), thùng (cái thùng), thích (thích chí), thịnh (thịnh vượng), thành (bờ thành), thánh (thần thánh), thực thà, thợ, thu (cá thu).

ap ăp âp ep êp

Theo cách chia vần mà dạy, xem bài thứ 12 và 13. Thí dụ: ap (a-pờ), áp (ám áp), sáp (phần sáp), bấp (bấp ngô), tập (tập viết), phép (phép tắc), xếp (xếp đặt).

Bài tập đọc

thu thập, thú thực

Làm chi nên thông thả, chớ ãng háp tấp mà ãng chậm chạp.

Cha mẹ gọi thì phải dạ, mắng thì phải im, nói năng phải cho thật thà.

Trời rét thì đắp chăn cho ấm áp.

Có kẻ thích học, thấp ãng ngồi học, mặt trời mọc, chưa ãng nằm.

Ta phải ăn ở cho có lễ phép, học tập cho chăm, ãng chóng thông bằng anh em.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

kh ip ơp ôp ơp up

Âm tả bài trước.

kh

Viết **kh** hỏi hai chữ gì, dạy đọc *khờ* như *khờ* *dại*.

Chấp vần: kha, kho, khô, khơ, khu, khu, khe, khi, khô khan, khù khờ, kha khá, khôn khéo, khủng khiếp.

ip ơp ôp ơp up

Theo cách chia vần mà dạy, xem bài thứ 12 và 13. Bảo những âm này đánh vần dấu sắc và dấu nặng. Thí dụ: *kíp* (cần kíp), *cộp* (con cộp), *hộp* (hộp trầu), *hợp* (hợp sức), *húp* (húp canh).

Bài tập đọc

Đi chỗ đông không nên khạc nhổ, đừng ăn cắp, ăn cắp là thói hư.

Kẻ cắp rình chị hàng bán, bị chị ta bắt, tát bốp cho một cái, rồi đem trình báo.

Trong lớp học không nên nói ồn ào.

Khi học đã khá, ta nên đem bài học cũ mà tập đọc đi đọc lại cho khỏi quên.

Trời nắng, đất mạ bị khô khan cả.

Ai khôn là bởi có học cả, không học thì bị ngu dốt khôn khổ vô cùng.

BÀI THỨ HAI MƯƠI

ao au âu eo êu iu ưu

Âm tả bài trước.

Theo cách chia vần mà dạy, xem bài thứ 12,13.

Chấp vần: ao (cái ao), áo, pháo, khao (ăn khao), cau (quả cau), bầu (quả bầu), mèo (con mèo), héo (đau héo), khêu (khêu đèn), đều (đều đặn), thiêu (cơm thiêu), mưu (mưu mẹo).

Bài tập đọc

khao khát, khéo léo, mưu mẹo

Thóc cao gạo kém, cực khổ dân nghèo, nhà ai dư dật nên cứu đỡ nhau.

Cơm thiêu đừng ăn, kéo mà đau bụng. Không học thì dốt, lỗi ở tại ta, còn đáng kêu ai. Em bé cầm kéo, cầm dao, ta phải coi nó, kéo nó cắt đứt quần áo.

Con gái ăn nói phải cho dịu dàng, chăm học cho chóng lên lớp, không chịu kém các bạn trai.

Lúc thông thả tôi ra ao bèo, câu cá quả đem nấu canh rau.

BÀI THỨ HAI MƯƠI MỐT

x 1 và ôn bài

Ấm tả bài trước

x Viết chữ **x** lên bảng, che bên trái hỏi chữ gì: chữ **c**. Che bên phải hỏi chữ gì: chữ **c** nhưng lộn ngược. Dạy chữ này đọc là **xờ** như *xờ xạc*. Đọc mười lần.

Tập viết: chữ **c** lộn ngược và chữ **c**, hai chữ dính lưng cùng nhau là *xờ*. Viết mười lần.

Chấp vần: xa, xo, xô, xơ, xu, xư, xe, xê, xi. Hỏi *xa xoi* viết thế nào, *xe xu* viết thế nào? Đọc: *xà* (*xà nhà*), *xé* (*xé vải*), *xin*, *xanh* (*xanh lè*), *xong* (*xong rồi*).

1 Viết và đọc là *sờ*. Phần nhiều người ở Bắc kỳ không đọc rõ tiếng này. Thầy giáo cũng như học trò đều nên phân biệt **s** và **x**. Hãy đọc *xờ* đi đã, đọc ba bốn lần, thí nghiệm mà xem thì thấy lúc muốn đọc *s* (*sờ*) thì cũng đọc như vậy, nhưng cong lưỡi và dính đầu lưỡi vào trong một ít. Đọc *xờ*, *sờ* cho đến lúc nào phân biệt hẳn ra.

Thầy giáo nào biết vần tây thì nên nhớ rằng **s** là trùng với vần **ch** của Pháp mà **x** thì trùng với vần **s** của Pháp. Ví dụ: tiếng Nam *sa* thì tiếng Pháp *cha*, tiếng Nam *xa* thì tiếng Pháp *sa*.

Mặt chữ: đưa lên nhẹ nhẹ, kéo mạnh xuống nhưng vòng vòng cho thành hình bán nguyệt rồi xoáy vào.

Chấp vần và so sánh s - x

sa (*sa chân*) và *xa* (*xa xôi*); *sá* (*đường sá*) và *xá* (*xá lỗi*);

se (*môi se*) và *xe* (*kéo xe*); *sơ* (*sơ ý*) và *xơ* (*xơ mít*);

sen (*hoa sen*) và *xen* (*xen vào*); *sinh* (*sinh đẻ*) và *xanh* (*xanh đỏ*);

sông (*sông núi*) và *xông* (*xông pha*);

song (*cá song, song le*) và *xong* (*xong rồi*);

sôi (*nước sôi*) và *xôi* (*xôi thịt*);

sao (*làm sao, ông sao*) và *xao* (*xôn xao*).

Bài tập đọc

sao sa, xa xôi, sẵn sóc.

Ông sao sa đi xa quá. Sao mà tôi trông anh xanh thế?

Sông sâu còn có kẻ dò. Tôi sẽ sang sông để đi xông đất nhà bác xã.

Sen có hai ba sắc: lá xanh cánh đỏ lại xen nhị vàng.

Xin đừng sắm lễ mà tốn, cốt lòng sốt sắng là đủ. Xe ông sơn đã xong, sơn sắc xanh, xem sạch sẽ lắm.

Ta theo phép vệ sinh, xem xét trong mình, nếu bẩn thỉu thì làm sao cũng cọ xát cho sạch sẽ.

BÀI THỨ HAI MƯƠI HAI

gi ia oa ua ưa oe uê

Âm tả bài trước.

gi Viết **gi** hỏi chữ gì? Có phải là chữ **ghi** không? Thế thì **ghi** viết thế nào?

Dạy **gi** đọc **giờ** như thì giờ.

Chấp vắn: gia, gio, giô, giơ, giu, giur, gie, giê, gi (chớ không phải là gii), giai (con giai), giờ (ông giờ), giúp (giúp đỡ), giam (giam cầm).

So sánh gi với d: Hỏi tiếng **gia** có viết được thế nào nữa không? Đáp **đa**. Thầy giáo giảng: tuy thế mà hai chữ nghĩa khác nhau: **gia** với **gi** nghĩa là thêm, như gia vị; hay là như *gia đình*; còn **đa** viết bằng chữ **d** thì nghĩa là *đa thịt*.

Danh là tên mà *gianh* là cò gianh lợp nhà. *Giờ* là ông giờ, còn *dời* là đôi chỗ.

ia oa ua ưa oe uê

Theo cách chia vắn mà dạy, xem bài 12, 13.

Chấp vắn: chìa, thìa (thìa khóa), hoa (hoa quả), cua (con cua), lúa (lúa mạ), mưa (mưa gió), khỏe (khỏe mạnh), Huế (kinh đô Huế), thuê (thuê nhà), thuế (thuế thân).

Bài tập đọc

Phàm bé con kẻ lớn, dù ở thành thị dù ở thôn quê, chớ cho là vì đói khổ, vì làm lụng vất vả mà không cần học hành. Có học mới có thể đọc sách, xem báo, đọc thư từ, làm sổ sách; có học mới không lo kẻ gian giảo vì sự dốt nát của mình, mà bắt nạt mình, lừa đảo mình.

Thuở xưa có kẻ thích học, vì nghèo khó, phải bắt đom đóm làm đèn mà học. Kẻ giàu kia mà thất học thì có của cũng chẳng có thể giữ gìn cho nó lâu dài.

Nào ai là chưa đi học, thì mỗi bữa, bớt chút thì giờ mà theo tôi giảng, bớt một vài xu mà mua bút mực, chẳng bao lâu sẽ đọc sách lâu lâu. Nhưng đến khi học đã giỏi giang, chớ khoe mình, chớ giở giọng chua ngoa mà chế nhạo kẻ chưa đi học.

BÀI THỨ HAI MƯƠI BA

iêm iên iec iet iệp iêu

Viết **iêm** bảo đọc **i-êm**, đầu hết rời nhau, sau đọc lớn **i** và bé **êm**, càng đọc lại càng liền dính lại. Bảo thế là thành **iêm**. Theo cách ấy mà bảo học trò tự đọc lấy mấy chữ kia. Nếu trẻ con không đoán được thì thầy giáo giảng thực cẩn thận, giảng theo phép chia vần.

Chấp vần: tiêm (tiêm tất), kiễm (kiễm cùi), tiền (tiền bạc), viết (viết chữ), việc (việc làm), khiếp (khiếp sợ), điều (điều sáo), chiều (chiều chẵn).

Bài tập đọc

tiết kiệm, liên miên,

Khi tiếp khách, ăn nói phải cho khiêm tốn. Tiêu tiền nên tần tiện, kẻo khi túng thiếu có tiếc cũng đã chậm rồi.

Phải kiễm công việc mà làm ăn, để khỏi thiếu thốn, khỏi túng kiết, khỏi bị ức hiếp và khỏi các điều bất tiện vì không tiền mà sinh ra.

BÀI THỨ HAI MƯƠI BỐN

y yêm yên yêt yêu ay ây uy

y Viết rồi nói chữ này cũng đọc *i* như chữ **i**, nhưng đọc kéo dài nên gọi là (i-i), đọc hai tiếng *i* liền nhau. Hình nó hơi giống chữ **g**, bên trái có móc nhưng đuôi chữ **n**. viết mười lần. Bảo chữa chữ **y** ra chữ **g**, chữa chữ **u** ra chữ **y**. Hỏi chữ **h** lộn ngược thành chữ gì?

yêm yên yêt yêu

Viết bốn chữ **iêm, iên, iêt, iêu**, bảo đọc rồi viết dưới mấy chữ ấy: **yêm, yên, yêt, yêu**, giảng rằng đọc như mấy chữ trên.

Dạy rằng khi nào chữ **i** dùng một mình hay là đứng đầu một chữ vừa trước chữ **ê** thì đổi ra **y**, ví dụ: *í tôi* thời đổi ra *ý tôi*; *đau iếu* thì đổi ra *đau yếu*.

Đọc: Anh *yếu* anh phải nằm *yên* một chỗ.

Thường chữ *ki* hay viết *ky*, *li* hay viết *ly*.

ay ây uy

Viết **cai** bảo đọc, rồi viết **cay** bảo đọc *cay* như *ớt cay*. Giảng rằng **ai** thì đọc **ai** như *ai đầy*. Còn **ay** thì đọc theo phép chia vần, nhưng **i** lớn hơn **a**. Rồi bảo đọc liền nhau *ai ay, tai (lỗ tai), tay (bàn tay), mai may*.

Viết **ây** dạy đọc rồi bảo đọc *ai, ay, ây, mai, may, mây, tay, tây, cay, cây*.

Dạy **uy** cũng như dạy **ay**.

Đọc (*xui, xuy*).

Bài tập đọc

âu yếm, yên ổn

Không thấy đồ mà làm nên. Học không hay, cây không biết. Hôm nay là ngày kỳ yên, các thầy tổng lý đánh chén say sưa. Tôi xem thấy, cho là tệ quá.

Bây giờ thầy đã khỏi yếu, đau lâu mới dậy, cũng nên tùy sức mà suy tính việc làm ăn. Ý tôi là lên yết kiến thầy, may thầy dạy cho thế là yên tâm.

BÀI THỨ HAI MƯƠI NHĂM

Chữ hoa từ *A* đến *N*

Âm tả bài trước.

Chữ hoa. Viết những chữ **a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n** rồi dưới mỗi chữ viết chữ hoa.

Giảng những chữ này cũng đọc **a, b...** nhưng viết thế này cho đẹp thêm, gọi là chữ hoa, vì hình đẹp như hoa. Chữ hoa nào như A và C hơi giống chữ con thì nên nhắc cho học trò dễ nhớ mặt chữ.

Bảo viết mỗi chữ mười lần.

Giảng rằng khi nào viết tên người, tên đất thì chữ đầu tiên sẽ viết bằng chữ hoa. Rồi bảo học trò viết tên họ mình hoặc tên làng, tỉnh mình. Nếu có chữ nào chưa viết được thì để bài sau. Còn có vần chưa học thì thôi, chọn chữ khác. Người ta cũng dùng chữ hoa khi bắt đầu câu.

a	b	c	d	đ	e	g	h	i	k	l	m	n
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>Đ</i>	<i>E</i>	<i>G</i>	<i>H</i>	<i>I</i>	<i>K</i>	<i>L</i>	<i>M</i>	<i>N</i>

Bài tập đọc

Anh Ba ơi;

Thưa anh, em có lời hỏi thăm anh có mạnh khỏe không? Em mới đi học chưa đầy hai tháng, mà nay đã viết thư cho anh; ấy là nhờ thầy dạy giỏi và chăm. Nhưng còn chục bài nữa mới xong.

Em nghe thầy giáo nói rằng, thầy sẽ dạy làm tính nữa. Em thích lắm, chỉ muốn học cho chóng. Nhưng thầy bảo phải kiên tâm.

Anh có bảo em: “Em học cho chăm, anh mua sách cho mà đọc”. Đến tháng sau, anh nhớ mua nhé. Có thể, em vui lắm! Em mong thư anh và chúc anh mạnh khỏe.

Em Bốn

BÀI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Chữ hoa từ *O* đến *Y*

Âm tả bài trước.

Chữ hoa. Theo cách hôm qua mà dạy nốt những chữ hoa chưa học. Nhớ so sánh chữ con với chữ hoa, nhất là những chữ A C O S U X Y.

o	p	q	r	s	t	u	v	x	y
<i>O</i>	<i>P</i>	<i>Q</i>	<i>R</i>	<i>S</i>	<i>T</i>	<i>U</i>	<i>V</i>	<i>X</i>	<i>Y</i>

Bài tập đọc

Thơ đáp lại

Em Bốn ơi,

Anh tiếp thơ em, anh mừng khôn xiết. Em đã viết thư giỏi lắm rồi! Em phải cảm ơn thầy dạy em.

Còn sách anh có hẹn anh sẽ mua gửi cho em.

Một sách tập đọc có nhiều tranh vẽ; một sách học tính, dạy bốn phép tính: cộng, trừ, nhân, chia; một sách sử ký và địa dư. Ít tháng nữa, anh sẽ về hầu thầy mẹ và thăm em. Chúc em học chóng tấn tới.

Anh Ba

BÀI THỨ HAI MƯƠI BẢY

Chữ in từ a đến y

Âm tả bài trước.

Chữ in Viết chữ viết rồi dưới mỗi chữ ấy viết chữ in. Bảo rằng chữ hàng dưới là chữ in. Chữ in khác chữ viết nhưng hình cũng hơi giống nhau. Chữ này dùng để in các sách và báo chí, nên gọi là chữ in.

<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>đ</i>	<i>e</i>	<i>g</i>	<i>h</i>	<i>i</i>	<i>k</i>	<i>l</i>	<i>m</i>
a	b	c	d	đ	e	g	h	i	k	l	m
<i>n</i>	<i>o</i>	<i>p</i>	<i>q</i>	<i>r</i>	<i>s</i>	<i>t</i>	<i>u</i>	<i>v</i>	<i>x</i>	<i>y</i>	
n	o	p	q	r	s	t	u	v	x	y	

Giảng rằng những chữ **c, d, đ, e, i, k, l, m, n, o, q, t, u** thì in cũng giống như viết; chữ **a, g, p, s, x, y** thì khác nhưng hình dáng trông cũng biết được. Còn những chữ **b, h, k, l** đầu cao mà vòng, đổi ra cao và thẳng. Chỉ có chữ **r** và **v** là in khác hẳn viết.

Bắt học trò viết đi viết lại cho thuộc mặt chữ.

Bài tập đọc

Lúc đi qua phố

Lúc đi qua phố, phải rất cẩn thận, vì xe cộ đi lại nhanh chóng, nếu không khéo dễ bị đè. Nên đi bên bờ hè, về bờ bên phải. Nhưng cũng có lúc, trót đi bờ bên trái rồi, nếu thấy xe tới thì chớ chạy qua để tránh sang bên phải. Vì làm như vậy mà biết bao nhiêu kẻ bị gãy chân, tay, hay là bị thiệt mạng.

Lúc sang ngang phố phải trông bên trái mình trước rồi trông bên phải nếu không thấy xe gì đến gần thì hãy sang qua.

BÀI THỨ HAI MƯƠI TÁM

Chữ in hoa

Ấm tả bài trước.

Còn chữ in hoa (hay là chữ cái) thì hơi giống chữ viết hoa.

A B C D Đ E G H I K L

A B C D Đ E G H I K L

M N O P Q R S T U V X Y

M N O P Q R S T U V X Y

Chữ in này tập đọc ít lâu là thuộc mặt chữ. Không cần phải học thuộc lòng.

Bài tập đọc

Kính mến cha mẹ,

Cha mẹ sinh con ra tức là mến con. Vậy kẻ làm con phải kính mến cha mẹ. Kính mến cha mẹ là bổn phận của kẻ làm con, ta làm con phải biết kính mến cha mẹ. Lúc đau ốm ta phải giúp đỡ săn sóc; tỏ lòng xót xa. Ai mà trái đạo làm con là kẻ bạc nghĩa, bất nhân.

Kính mến cha mẹ,

Cha mẹ sinh con ra tức là mến con. Vậy kẻ làm con phải kính mến cha mẹ. Kính mến cha mẹ là bổn phận của kẻ làm con, ta làm con phải biết kính mến cha mẹ. Lúc đau ốm ta phải giúp đỡ săn sóc; tỏ lòng xót xa. Ai mà trái đạo làm con là kẻ bạc nghĩa, bất nhân.

BÀI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

oam oan uân uôn ươm ươn oen

Âm tả bài trước.

oam oan uân uôn ươm ươn

Theo cách dạy chia vần mà dạy những chữ này, giống như bài thứ 13.

Ví dụ: *oan* thì bảo đọc *o-an*, đọc *o* lớn và *an* bé, đọc mau cho hai tiếng dính liền nhau thì thành *oan* như oan uông. Đọc *toan* (to-an), *đoàn*. Dạy *uân* (u-ân): xuân, tuần (đi tuần); *uôn* (u-ôn): muốn, cuốn; *ươm* (ư-ơm) như ươm tơ, bướm, cườm; *ươn* như cá ươn: lươn, vươn; *oen* (o-en) hoen.

Bài tập đọc

Oan ức, luồn cúi, thuần thực, bướm bướm.

Một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Mùa xuân giới ẩm, muôn hoa đua nở, bướm ong bay lượn xung quanh. Bắt đầu mùa xuân là ngày tết. Các em nghỉ học một tuần, một tuần hoàn toàn đi chơi. Tết xong các em lại đi học cho chăm chỉ, ngoan ngoãn, chớ nên muốn tết luôn luôn. Chớ nên quen thói chơi bời, cuốn sách một nơi, sao nhãng sự học.

Oan ức, luồn cúi, thuần thực, bướm bướm.

Một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Mùa xuân giới ẩm, muôn hoa đua nở, bướm ong bay lượn xung quanh. Bắt đầu mùa xuân là ngày tết. Các em nghỉ học một tuần, một tuần hoàn toàn đi chơi. Tết xong các em lại đi học cho chăm chỉ, ngoan ngoãn, chớ nên muốn tết luôn luôn. Chớ nên quen thói chơi bời, cuốn sách một nơi, sao nhãng sự học.

BÀI THỨ BA MƯƠI

iêng yêng oang oăng uâng uông ương oong

Âm tả bài trước.

iêng yêng oang oăng uâng uông ương oong

Cách dạy mấy chữ này cũng theo phép chia vần mà chúng ta đã giải nhiều lần rồi. Ví dụ: **oang**, đọc *o-ang*, đọc lớn **o** và bé **ang**, đọc mau cho hai tiếng dính liền nhau thì thành *oang*. Hỏi thành tiếng gì? Đáp *oang* như kêu oang. Đọc *hoang* (hoang phí), *hoàng* (họ hoàng), *choàng* (khăn choàng).

Dạy: oăng, thoăng (liền thoăng)

nâng, khuâng (bâng khuâng)

nông, vuông (vuông tròn), chuông (chuông trống), uống (uống nước)

ương, nương (ruộng nương), hương (hương thơm), xương (xương thịt),

thường, nướng hương.

oong, boong boong (tiếng chuông chùa)

Còn chữ *êng* thì bảo đọc *iêng* năm lần lúc ấy lại bảo đọc *iêng* (i-êng). Đọc chiêm (chiêm trống), riêng, tiếng, miệng, kiêng, xiêng, nghiêng. Đến chữ *yêng*, nhắc lại cho học trò cách dùng chữ y ở bài thứ 24. Yêng (con yêng).

Bài tập đọc

Hàng ngày, sáu giờ sáng tôi ngủ dậy, súc miệng xong, ăn uống qua loa rồi tôi ra vườn. Có miếng đất hoang, hình vuông, ngang dọc khá rộng, thầy tôi để riêng cho tôi. Tôi cuốc cỏ, xới đất rồi lấy hạt ngô để ương. Lúc nghe chuông hay trống đánh tôi vào học bài, cầm sách đọc thoảng một lúc đã xong. Thầy thương tôi lắm. Đến chiều tôi đi thăm ruộng, xem ao múng: như thế là tôi vừa học chạy vừa học cày. Đến mùa ngô có bắp, tôi hái về, nướng lên, cùng anh em bạn ngồi ăn; ai ai cũng hưởng công tôi chăm bón, ai ai cũng sướng vô cùng.

BÀI THỨ BA MƯƠI MỐT

oat oắt uât oet uôt ươt uyt

Âm tả bài trước.

Theo cách chia vần mà dạy các vần sau này:

oat (o-at), soát (lục soát), hoạt (hoạt bát),

oắt (o-ắt), (bé oắt), choắt (bé choắt),

uât (u-ât), khuất (che khuất), thuật (thuật chuyện)

oet (o-et), toét (toét mắt), khoét (khoét lỗ)

uôt (u-ôt), nuôt, chuôt

ươt (ư-ơt), trượt (trượt chân), lướt (lướt lướt)

uyt (u-it), huyết (huyết còi)

Đề ý rằng những vần này đều có dấu, không dấu sắc thì dấu nặng, nhưng không thể nào đánh tất cả năm dấu được như các chữ khác. Nhân thể thầy giáo giảng cho học trò biết, phạm chữ nào ở đằng sau cùng có những chữ **c**, **ch**, **p**, **t** thì chỉ có dấu sắc và nặng thôi. Ví dụ: bác, bạc; hích, hịch; bóp, bộp; thiết, thiết.

Bài tập đọc

Bạn cũ gặp nhau.

Thoạt trông tôi không nhận ra anh. Chúng ta ở với nhau lúc hồi còn bé loắt choắt, lớn bé chỉ xuýt xoát nhau thôi. Giữa lúc giờ mưa, anh đi con đường khuất khúc, quần áo ướt át, anh suýt ngã hai ba lượt, sách anh cầm bị nhòe nhoẹt. Suốt ngày tôi lo cho anh quá.

BÀI THỨ BA MƯƠI HAI

oac oăc uôc ươc ượ

Âm tả bài trước.

Theo phép chia vần mà dạy những vần này:

oác (o-ac). Xin nhớ rằng phép chia vần là bảo học trò trước hết đọc **o** và **ac** rời nhau, sau đọc lớn tiếng *o* và bé tiếng *ac* và làm dính hai tiếng lại cho thành tiếng *oac*. Thí dụ: khoác như *khoác áo*. Toác như *đâm toác*.

oăc (o-ăc): hoặc (hoặc là)

uôc (u-ôc): thuốc (thuốc Lào), chuộc (chuộc tội)

ươc (ư-ơc) : bảo đọc *ơc* trước đã, như: nước, được

ượ (ư-ơp): ướp hoa, cướp

Nhắc lại cho học trò nên để ý rằng, những chữ này cuối cùng có chữ **c**, **p**, cũng như những chữ cuối cùng có **ch**, **t**, bao giờ cũng chỉ có dấu nặng, dấu sắc mà thôi.

Bài tập đọc

Khách tới nhà, tôi vội khoác áo, mời khách ngồi, mời khách hút thuốc, tôi pha trà ướp sen hoặc là chè mạn, tôi mời khách uống nước. Vì vậy tôi rất được lòng cha mẹ tôi.

Gặp bạn thân, thầy tôi thích đánh cờ. Lúc tan cuộc thi cùng nhau chuốc chén và ngâm thơ, thức suốt đêm.

BÀI THỨ BA MƯƠI BA

oanh uynh oach uynh

Âm tả bài trước.

Theo cách chia vần mà dạy những chữ bài này. Dạy một chữ xong thì cho thí dụ liền.

oanh (o-anh): khoan tay, hoành hành, ngoảnh cổ lại

uynh (i-inh): huynh đệ

oach (o-ach): kế hoạch

uych (u-ich): ngã huỵch

Bài tập đọc

Tính nói dối

Đứa trẻ kia làm vỡ chén, cha nó hỏi mà không chịu nhận lỗi, cứ nói loanh quanh. Cha nó lấy roi tra mới thú. Ấy là đứa không thực thà.

Có con chim hoàng oanh đậu trên cành tre. Một lũ trẻ bắn không trúng. Một đứa trẻ trèo lên bắt, sảy chân ngã huỵch xuống đất, trúng phải cái cọc. Chúng bạn chạy lại, thấy máu đầy trên trán. Về nhà sợ quýnh, nó nói rằng bị bạn đánh, ấy là đứa bé nói dối. Nói dối là một điều rất xấu xa.

BÀI THỨ BA MƯƠI TƯ

uya oai uôi ươi ươn oay uây uyêt uyên

Âm tả bài trước.

Những bài này chấp tới ba âm. Cách dạy cũng theo phép chia vần mà dạy, xong chữ nào thì cho thí dụ liền.

uya (u-ya hay là uy-a) : khuya (khuy-a);

oai (o-ai hay oa-i): khoai, xoài, ngoái (năm ngoái);

uôi (u-ôi): nuôi, muối, ruồi, muỗi;

ươi (ư-ơ): lưới, đười ươi, tươi cười, tưới;

ươn (ư-ơ-u): rượu, con hươu, cái bươu.

oay (o-ay): xoay như xoay chong chóng;

uây (u-ây): khuây (khuây buồn)

uyêt (đọc iêt, u-iêt): huyết, tuyết (tuyệt đẹp);

uyên (đọc iên, u-iên): khuyên (khuyên bảo), chuyển (chuyển đồ), chuyện, chuyển (lay chuyển);

Bài tập đọc

Thành công

Các người đã học hết chữ và vần. Bài này là bài tập đánh vần cuối cùng. Nay muốn đọc, viết gì cũng được. Nhờ lòng quả quyết, nhờ sự chuyên cần mà nay học mới xong. Thế mới bỏ lúc thức khuya dậy sớm. Đã biết viết, biết đọc rồi thì các người đọc sách, đọc báo để biết chuyện xung quanh mình, biết cách làm ăn, biết cách cấy lúa, giống khoai, chăn trâu, nuôi lợn. Các người bây giờ biết viết thơ một mình, biết đọc thơ mà không phải mượn ai; biết đọc luật lệ nhà nước đã định ra; biết làm đơn kêu lên quan trên, nên không sợ ai xoay lẽ gì để dọa mình.

Nhưng các người cũng đừng khinh kẻ chưa đi học: thấy ai chưa biết đọc, biết viết, ta nên phân nài cho họ. Tục ngữ có câu: “Anh em như thể chân tay, rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần”.

BÀI THỨ BA MƯƠI NHẢM

Con số và số có hai chữ số

Ấm tả bài trước.

Viết **1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9**. Dạy đọc một, hai, ba, v.v... Tập viết mười lần, rồi bảo viết theo lời thầy giáo đọc, nhưng đừng theo thứ tự nữa. Lúc mà học trò đã nhớ mặt chữ chín con số ấy rồi, thì giảng đến những số 14 mười bốn; 25 hai mươi lăm; 52 năm mươi hai. Giảng rằng con số bên tay trái ăn mười: xem thí dụ: 25, 52. Bảo viết 36, 63, 42, 24,...

Giảng rằng muốn viết hai mươi thì viết 20: con số bên trái ăn mười thành hai mươi, con số bên phải thì là cái vòng tròn như chữ o gọi là số không (nghĩa là không có gì cả).

Đọc: 10, 30, 40, 60, 80, v.v...

Bài tập đọc

Ngày mồng 3 tháng 7 năm Mậu Dần, tức là ngày 29 tháng 7 Tây năm ngoái, là ngày Hội Truyền bá học Quốc ngữ được phép thành lập.

Ngày 16 tháng 7 năm Mậu Dần, tức là ngày mồng 9 tháng 9, là ngày khai giảng lớp học thứ nhất của Hội Truyền bá học Quốc ngữ tại Hà Nội.

Một ngày chia ra làm 24 giờ, một giờ có 60 phút. Giữa trưa là 12 giờ. Nửa đêm là 0 giờ hay là 12 giờ đêm.

BÀI THỨ BA MƯƠI SÁU

Các số có ba, bốn, năm con số

Hỏi lại các con số từ **1** đến **9**, và cách đọc, cách viết các con số có hai con số, hỏi đi hỏi lại cho thật thuộc lòng. Âm tả bài hôm trước.

Lúc đã ôn lại xong, nghĩa là học trò đã biết và đọc những con số có hai chữ số, thì thầy giáo dạy những số có ba con số, năm con số theo như cách dạy bài trước, nhưng chú ý đến những số có con số không. Ví dụ: 102, 150, 2010 v.v...

Bài tập đọc

Lịch ta và lịch tây

Năm ta cũng như năm tây, gồm có 12 tháng. Nhưng mà tháng tây, khi đủ có 31 ngày, khi thiếu có 30 ngày. Duy tháng hai chỉ có 28 ngày. Còn tháng ta khi đủ có 30 ngày, khi thiếu có 29 ngày. Tính soát lại thì năm tây dài hơn năm ta độ 10 ngày: năm tây có 365 ngày mà năm ta chỉ có 355 ngày thôi.

Năm tây năm nay là năm 1939. (Tùy theo mà đổi).

Bài làm: Anh mấy tuổi? Có mấy em?

BÀI THỨ BA MƯƠI BẢY

Các dấu câu

Âm tả bài trước.

Thầy giáo cần cắt nghĩa rõ ràng cho học trò biết rằng: muốn cho lời viết được phân minh, người ta dùng dấu câu. Những dấu này khác các dấu âm: huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã, vì nó không đánh vào chữ mà lại viết ngang hàng với các chữ. Những dấu câu can hệ nhất là:

Dấu phẩy (,) để ngắt hơi trong một câu.

Dấu chấm (.) để chỉ hết câu.

Dấu chấm phẩy (;) để chỉ rằng một câu đã hết, nhưng nghĩa còn nối với câu dưới.

Hai chấm (:) để giải nghĩa hoặc dẫn lời nói.

Dấu hỏi (?) để sau một câu hỏi.

Dấu than (!) để sau một câu có ý than vãn, vui mừng, kinh ngạc.

Dấu ngoặc đơn () để ngăn ra một đoạn dùng để thích nghĩa.

Dấu ngoặc kép “ ” để ngăn những lời người nào nói.

Dấu ngang (-) để nối hai chữ có liên lạc cùng nhau.

Thầy giáo không cần bắt học trò học thuộc lòng các dấu, chỉ bắt nhớ những dấu thường dùng và trong lúc tập đọc mỗi khi gặp một cái dấu gì và dùng để làm gì. Lâu quen thì học trò sẽ nhớ.

Bài tập đọc

Các dấu câu

Các dấu câu dùng để ngắt hơi nói trong khi viết cho phân minh. Các dấu này viết ngang hàng với chữ. Ta phải phân biệt các dấu này với các dấu âm: huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Ví dụ, ta nói: “Ngày mai tôi đi cày về thì tôi đọc sách, tôi tập viết.” Câu này dài ta phải đánh dấu phẩy sau chữ “đọc sách” để ngắt hơi trong câu nói ấy. Lại còn như câu này: “Học xong tôi về nhà tôi.” Đến sau chữ “nhà tôi” là hết câu, thì ta đánh dấu chấm. Còn các dấu khác cũng cần cả, ta phải nhận cho kỹ.

BÀI THỨ BA MƯƠI TÁM

Học ôn. Nhắc và hỏi lại các dấu câu cần thiết.

Ám tả bài trước.

Từ bài này trở đi, thầy giáo vừa dạy đọc, dạy viết, vừa ôn lại.

Xem xét học trò đọc sai vần nào, viết sai vần nào mà dạy lại vần ấy.

Sau lúc ám tả, thầy giáo có thể bảo học trò đặt và viết những câu ngắn ngắn có liên lạc với những vần chưa thuộc.

Bài tập đọc

Chuyện con chuột và con cóc

Khi xưa, hai con chuột làm tổ trên cây cau; sinh được một đàn con. Đến ngày đầu tháng các con, mời bác cóc đến ăn cỗ.

Cóc nói: “Tôi không trèo cây được”.

Chuột trả lời: “Bác đừng lo. Bác cứ ngậm đuôi tôi, tôi vừa trèo vừa kéo bác lên. Nhưng nếu có ai chào bác, bác chớ trả lời mà ngã đó”.

Chuột đực kéo cóc lên đến gần buồng cau. Chuột cái chạy ra hôn hờ chào: “Chào bác đã lên, bác bấy lâu có khỏe mạnh không?”

Cóc định bụng đáp rằng: “Ta không trả lời”, nhưng vừa mở miệng để nói, thì đã rơi từ trên cao xuống đất, đến nỗi gãy xương còng cả lưng. Vì thế, bây giờ, lúc giờ giờ, sắp có mưa bão thì cóc lại đau xương nên mới nghiêng răng⁽¹⁾.

Người ngu dại lúc nào cũng lụy đến thân.

1 Giảng cho học trò biết rằng cóc không có răng. Nhưng tiếng cóc kêu giống tiếng nghiêng răng; cho nên bảo cóc nghiêng răng

BÀI THỨ BA MƯƠI CHÍN

Tập đọc và Âm tả

Chuyện con trâu bay

Gần buổi thôi học, hôm nay hãy kể cho các người nghe một chuyện đời xưa, như sau này:

Có một người nông phu mua được một con trâu 12 đồng bạc, đem về nhà, cày ruộng khỏe lắm.

Có một đêm kia, người ấy nằm chiêm bao, thấy con trâu mọc hai cánh mà bay đi mất.

Lúc thức dậy, người ấy cho là điềm xấu, nghĩ rằng: “Ta không bán con trâu này đi, rồi cũng mất.”

Đến sáng hôm sau, đem trâu ra chợ và bán rẻ cho người ta.

Được 8 đồng bạc, mừng lắm, vội vàng buộc đầu thắt lưng mang về.

Đi về đến nửa đường, thấy một con chim lớn lắm đương đứng ăn thịt con chuột chết.

Người ấy lại gần xem, nhưng con chim dạn người không bay.

Người ấy mới vội lấy con chim, lấy cái thắt lưng trói lại mà đem về.

Đi được một lát, con chim vùng vẫy mổ vào tay: người ấy đau quá, người ấy phải buông nó ra, thì nó bay đi mất. Thế là nó mang mất cả cái thắt lưng có buộc bạc bán trâu ở chợ.

Người ấy tiếc quá, về đến nhà mới nghĩ ra rằng: “Mình nằm chiêm bao thấy con trâu bay, đã đem bán đi được 8 đồng bạc, tưởng là chắc rồi; ai còn ngờ rằng lại mất!”

Thế mới biết: “Ở đời không nên tin nhảm.”

BÀI THỨ BỐN MƯƠI

Từ bài này trở đi, cho học trò tập đọc xong rồi ám tả.

Nên đi xa làm ăn

Nước ta gồm có 3 xứ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ.

Người nước ta cùng một nòi, chung một tiếng nói; chỉ có giọng nói khác nhau.

Thuộc nước ta còn có dân Thái, dân Mường, dân Mán ở phía Bắc; dân Mọi, dân Chàm ở phía Nam.

Người ta lại sang làm ăn bên xứ Lào và xứ Cao Mên nữa.

Xứ Bắc kỳ đồng ruộng tốt, nhưng người ta chen chúc nhau ở cả đồng bằng; cho nên lắm kẻ nghèo.

Xứ Nam kỳ đồng ruộng vừa rộng vừa tốt, số người lại ít, nên lắm kẻ giàu. Nếu dân ta đừng quản đường xa, đừng sợ nước độc, rủ nhau lên mạn ngược hoặc vào Nam kỳ, chịu làm ăn lâu dài, thì chẳng bao lâu sẽ khá.

Chúng ta đừng sợ đường xa. Đường xa bây giờ đã có xe lửa đi lại nhanh chóng. Chúng ta đừng sợ nước độc. Nước độc, nếu ăn ở chỗ cao ráo sạch sẽ thì không sợ ốm.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI MỐT

Làm việc chớ làm dối trá

Dân làng nọ làm nghề thợ thêu, đã lâu đời. Và từ xưa, hàng thêu của làng ấy vừa đẹp vừa bền, nên ai cũng biết tiếng. Có người ngoại quốc tới mua vừa nhiều, vừa giá cao.

Thấy vậy, dân làng tham lợi bèn làm dối. Những bức thêu trông vẫn đẹp nhưng mỗi chỉ sơ sài, không mấy chốc đã bong ra. Vì vậy người ngoại quốc không mua nữa. Dân làng mất mỗi lợi to; tự hồi rồi tới nài người mua lại cho, nhưng họ không tin nữa.

Một người thợ mộc, làm một cái cầu gỗ. Nghĩ rằng làm dối tốn ít công; nên bắt mộng chốt sơ sài. Cách đó ít lâu, người thợ ấy và nhiều người khác kéo gỗ qua cầu. Đột nhiên, cầu gãy, cả người lẫn gỗ lẫn xuống sông, kẻ gãy tay, người vỡ sọ. Người thợ mộc bị gỗ đè chết.

Xem hai chuyện này, thì kẻ làm dối không những làm hại cho người mà lại còn hại cho mình nữa.

Hễ làm công việc gì, ta phải làm cho cẩn thận.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI HAI

Gửi thư tín

Ở tỉnh có sở Bưu điện, người ta thường gọi là nhà dây thép. Ở các phủ, huyện thì có các nhà trạm. Các nơi ấy chuyên việc nhận, phát các thư tín.

Gửi thư thường thì rẻ tiền và tiện lắm. Bây giờ anh muốn gửi thư thăm bác anh ở Thái Bình hay ở Sài Gòn cũng chỉ mất có 6 xu thôi. Anh bỏ cái thư của anh viết vào trong phong bì, dán kín lại. Ngoài phong bì viết rõ: tên, họ, chỗ ở của các anh. Ví dụ:

<i>Ông: Nguyễn Văn Bá</i> Làng Thư điền Tổng An Bồi Phủ Kiến Xương		tem thư
Tỉnh	<u>Thái Bình</u>	

Viết thế xong, vào nhà dây thép, nhà trạm hay các hiệu tạp hóa, mua một cái tem thư 6 xu, dán lên trên phong bì, mặt có đề tên, rồi đem bỏ vào hòm thư, treo ở cửa nhà dây thép, hoặc ở các đầu phố, hoặc ở các nhà trạm. Chỉ trong vài ngày là bác anh nhận được thư của anh.

Còn gửi dây thép thì tin đi nhanh chóng lắm, nhưng đắt tiền hơn: mỗi tiếng mất những 4 xu. Chỉ khi nào có việc gì cần lắm, người ta mới đánh dây thép.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI BA

Đi xe hỏa

Muốn đi xe hỏa, thì phải hỏi tại ga cho rõ giờ tàu đi và tiền mua vé. Lúc mua vé, không nên tranh nhau mua trước mua sau. Hễ mình tới sau thì đợi người tới trước mua xong mới bước lên.

Lúc ở trong xe thì đừng khạc nhổ xuống toa. Ăn uống gì thì nên vứt đồ rác bần ra ngoài.

Ngồi đừng bắt chân lên ghế. Chờ nằm dài trên ghế để chiếm chỗ ngồi của người khác, vì làm như thế là ích kỷ, mà lại còn có thể bị người coi tàu mắng trách được.

Đi xe lửa không nên mang đồ cồng kềnh quá. Trước lúc lên tàu thì đợi cho người xuống hết đã rồi sẽ lên, bao giờ tàu cũng đợi mình lên xong mới chạy.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI TƯ

Nhà thương

Ôm đau phải uống thuốc, mà thuốc thang phải có thầy. Nhà nước đặt ra nhà thương, chẳng những là sẵn thuốc thang, sẵn thầy trị bệnh cho các người ốm, lại sẵn cả chỗ ăn nằm, người trông nom, hợp cách vệ sinh. Hễ ốm đau, ta không nên coi thường, nên đi nhà thương ngay. Bệnh nhẹ thì đến thăm xong, xin thuốc về nhà uống. Bệnh nặng thì nên vào nằm dưỡng bệnh ở nhà thương. Ở nhà thương có hạng phải trả tiền, nhiều ít tùy hạng người; nhưng cũng có hạng không mất tiền, riêng cho người nghèo khó.

Nhất là đàn bà có mang, gần đến tháng ở cũ, nên đến nhà thương mà thăm, khi đẻ nên vào nhà thương mà nằm. Như thế có thầy thuốc trông coi cho, cô đỡ sẵn sóc cho, người mẹ khỏi bị hậu sản, đứa con khỏi bị sai đẹn. Dăm ba bữa khỏe mạnh, lúc ấy mới bồng con về nhà mà nuôi.

BÀI THỨ BỐN MƯƠI NHĂM

Bài dạy con giai

Nhà ta nền nếp xưa nay,
Diễn làm bài hát sẽ bày với con.
Làm người chẳng lọ khéo khôn,
Giữ nền trung hậu mới tròn phúc ta.
Mặc ai quý quái, tình ma,
Đừng đua theo thói, ấy là người nhăng (1).
Việc làm thì giữ phải chẳng,
Nói ra thì chớ nói xằng nói ngang.
Rượu, bạc, nha phiến chớ ham,
Ham thì đói khổ, lang thang có ngày.
Của bất nghĩa, chớ tron (2) tay;
Dâm, đầu vạ ác, chớ say mê cần.
Khi còn cha mẹ thừa hoan(3),
Đã yêu lại kính mới toàn đạo con.
Về sau cha mẹ khuất non(4),
Hiếu thành(5), thờ phụng như còn, vẫn-an...
(Trích ở bài gia huấn của cụ Lê Kinh Hạp)

GIẢI NGHĨA:

1. nhăng = làm điều sai nhảm
2. tron = mó, đụng
3. thừa hoan = tùy theo ý cha mẹ, đây là nơi lúc cha mẹ còn sống
4. khuất non = chết
5. hiếu thành = với lòng hiếu lòng thực
6. vẫn an = hỏi cha mẹ còn yên không, đây là nói lúc cha mẹ còn sống

VŨ HY TRÁC, MỘT TRONG NHỮNG NGƯỜI SÁNG TẠO VĂN QUỐC NGŨ MỚI

Phạm Hy Hưng

Tôi không biết mặt ông ngoại vì ông đã mất khi tôi chưa chào đời. Nhưng qua lời kể trong gia đình, tôi biết đây là nhà giáo Vũ Hy Trác. Từ những câu chuyện của mẹ tôi và qua mạng Internet, tôi đã tìm ra một chút manh mối về những hoạt động của ông có liên quan đến một thời kỳ lịch sử của Hà Nội: Hội Truyền bá học Quốc ngữ.



Ông Vũ Hy Trác

Trong chiếc hộp cũ kỹ, mẹ tôi còn giữ được tấm ảnh ngày cưới của ông bà ngoại tôi. Tấm ảnh một đám cưới hồi đầu thế kỷ XX ở Hà Nội. Ông mặc com- plê, bà mặc áo dài. Mẹ tôi kể: “Ông mất lâu lắm rồi, từ hồi mẹ còn nhỏ”. Tôi lớn hơn chút nữa thì mẹ bảo “Ông bị mất tích. Ở nhà chỉ biết lấy ngày ông đi làm ngày giỗ”. Mãi đến sau lễ kỷ niệm 50 năm ngày ra đời Hội Truyền bá học Quốc ngữ năm 1988, cậu tôi kể là nghe có người nói lại, trong hội thảo ở Hà Nội, tên ông ngoại được mọi người nhắc đến. Vì vậy mà tôi có ý định đi tìm lại hình ảnh của ông ngoại tôi qua những tài liệu đã công bố.

Khi giới thiệu về phong trào truyền bá chữ quốc ngữ, người ta có nhắc đến tên ông Vũ Hy Trác. Trong tiểu sử học giả Trần Văn Giáp khi nói về hoạt động giai đoạn truyền bá chữ Quốc ngữ có ghi: “Ông là một trong những người sáng lập Hội Truyền bá học Quốc ngữ, đã cùng với Hoàng Xuân Hãn và Vũ Hy Trác soạn quyển Văn Quốc ngữ (1938) sáng tạo ra phương pháp học i-tờ”. Bài viết về Trần Văn Giáp của tác giả Nguyễn Quang Ân

cũng có chi tiết này: “Ông ở trong ban trị sự, phụ trách về tài liệu giáo khoa, cùng Hoàng Xuân Hãn, Vũ Hy Trác soạn sách Văn Quốc ngữ, sáng tạo được phương pháp i-tờ dạy cho người mù chữ chóng biết đọc biết viết”.

Bản thư mục các tác phẩm của học giả Trần Văn Giáp trong đó có ghi “*Văn Quốc ngữ. Soạn cho Hội Truyền bá học Quốc ngữ, cùng Hoàng Xuân Hãn và Vũ Hy Trác. Hà Nội, 1938*”. Không rõ là nó được photo từ cuốn nào nhưng nay có thể tìm được trang giống như vậy ở trên mạng.

Năm 1988, có nhiều hoạt động kỷ niệm về Hội Truyền bá học Quốc ngữ nhưng vì điều kiện, mẹ tôi và các cậu cùng các cháu nội ngoại của ông chẳng biết gì.

Mãi đến sau này, khi Internet phổ biến hơn, tôi có may mò tìm tư liệu về ông ngoại. Cũng chỉ là tìm để biết về kể cho mẹ nghe. Tình cờ, một lần vào Google tôi tìm thấy 8 kết quả với từ khóa “Vũ Hy Trác”. Phần tiểu sử Trần Văn Giáp trên Wikipedia ghi: “Ông cùng với học giả Hoàng Xuân Hãn và Vũ Hy Trác là người sáng lập Hội Truyền bá học Quốc ngữ, theo đó là cuốn Văn Quốc ngữ để xướng học chữ Việt theo phương pháp i-tờ”.

Có trang web nêu ý kiến một phụ huynh ở Mỹ về phương pháp học chữ Quốc ngữ: “Tôi có đứa con gái 5 tuổi đang học mẫu giáo ở Mỹ. Cháu tự đọc được các sách tiếng Anh dành cho học sinh lớp 2, nhưng tiếng Việt của cháu kém. Hôm nọ tìm được một lớp dạy tiếng Việt cho trẻ em trong một ngôi chùa. Mừng quá. Các thầy cô rất tận tâm. Nhưng nhận thấy các học sinh trong lớp rất khổ sở khi học đánh vần. Ví dụ: Chữ “gặt” sẽ được dạy là: “á tờ ắt nặng ặt. Gờ ặt gặt”. Về tra lại, thấy phương pháp dạy đánh vần này khá theo sát cách i-tờ của các cụ Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn và Vũ Hy Trác (Văn Quốc Ngữ. Dạy Theo Phương Pháp Mới - Hà Nội - 1939)”.

Nhờ Google, tôi tìm ra mấy bài báo có nhắc đến ông ngoại tôi. Bắt đầu là báo Đại Đoàn Kết (Hà Nội) số 31, ngày 6.8.1988, có bài “Nhớ lại Hội Truyền bá học Quốc ngữ” của học giả Hoàng Xuân Hãn. Sau đó, báo Đoàn Kết (Paris) số 405-406 tháng 9.10.1988 đăng lại toàn văn bài viết của Hoàng Xuân Hãn.

Mấy tháng sau, trên báo Đại Đoàn Kết ngày 24.2.1989, hai tác giả Ngô Nhật Quang - Trần Lê Nghĩa có bài trả lời: “Báo Đoàn Kết (Paris) số 405-406 tháng 9 và 10 năm 1988 có nhận xét “... Khi đăng bài này, báo Đại Đoàn Kết đã đục đoạn chót. Nghiêm trọng và đáng tiếc hơn cả, báo Đại đoàn Kết còn xóa cả tên ông Nguyễn Hữu Đang, lúc đó được Đảng Cộng sản phân công liên lạc với nhân sĩ trí thức để vận động truyền bá Quốc ngữ...”

Hai tác giả Ngô Nhật Quang - Trần Lê Nghĩa giải thích: “Bài viết của ông Hoàng Xuân Hãn bắt đầu bằng câu “Bấy giờ vào khoảng cuối năm 1937...” và nhắc đến tên ông Nguyễn Hữu Đang ở ba chỗ khi thuật lại lời của ông Trần Văn Giáp... Thời gian đó, ông Nguyễn Hữu Đang không có mặt ở Hà Nội, mà đang dạy học ở Ninh Bình... Trang 2 bìa có ghi: “Ban soạn sách: Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Hy Trác”. Như vậy ba chỗ nhắc đến tên ông Nguyễn Hữu Đang là không chính xác. Hoặc giả ra có

sự nhớ lẫn với ông Vũ Hy Trác, cũng là một nhà sư phạm, cùng trạc tuổi, có tên trong ban soạn sách. Chúng tôi đã lược bỏ tên ông Nguyễn Hữu Đang ở những đoạn đó vì sự chân xác lịch sử”.

Cũng trong số đó, báo Đại Đoàn Kết có “Đôi lời của Ban biên tập” như sau: “Chúng tôi hoan nghênh trả lời của hai tác giả Ngô Nhật Quang, Trần Lê Nghĩa, cũng như thái độ trân trọng của Ban biên tập Đại Đoàn Kết đã đăng bài này trên trang nhất. Chúng tôi đã chuyển bài này tới Giáo sư Hoàng Xuân Hãn và được bác Hãn cho biết thêm như sau: Bác đã viết “Nhớ lại...” hoàn toàn dựa theo trí nhớ, nên rất có thể có sự nhầm lẫn về vai trò của hai ông Vũ Hy Trác và Nguyễn Hữu Đang. Bác không nhớ tên ông Vũ Hy Trác, chỉ nhớ tên ông Nguyễn Hữu Đang, và trong trí nhớ, tên tuổi ông Đang gắn liền với thời kỳ cách đây 50 năm, chứ cũng không biết rằng ông Đang tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm cách đây hơn 30 năm”.

Về điểm này, hồi ký *Người thuyền trưởng* của Nguyễn Hữu Đang có đề cập. Bài viết dưới hai bút danh Phạm Đình Thái (phần 1) và Dương Quang Hiệt (phần 2) đăng trong Kỷ yếu 50 năm Hội Truyền bá học Quốc ngữ. Sau được chính tác giả dưới tên thật là Nguyễn Hữu Đang gộp lại làm một. Ông Nguyễn Hữu Đang viết: “Đang thông thả đi lại ngoài hành lang, tôi bỗng để ý một người ôm kệ nệ một bó vở viết đồ sộ, đi về phía tôi. Tưởng tôi là giáo viên ông ta hát hàm thân mật bảo tôi cùng đi chia vở cho các lớp. Chia xong, tôi hỏi: “Ông là Trưởng ban dạy học à?”. Ông ta đáp: “Không. Tôi là Quản Xuân Nam, phó thư ký của Hội. Ông muốn gặp Trưởng ban dạy học thì lại chỗ kia”. Theo tay anh chỉ, tôi đến một cửa lớp học. Trông thấy giáo viên, tôi nhận ra ngay là Vũ Hy Trác, người bạn học cùng trường, trên tôi hai lớp và tôi giơ tay vờ gọi anh ra. Anh nhoèn miệng cười, vừa bắt tay vừa nói thông thả: “May quá ! Anh đến giúp chúng tôi một tay đúng lúc”.

Hiện hồi ký này có thể tìm thấy ở trang web của tạp chí Diễn đàn và bản in Tạp chí Diễn đàn số 78/1.10.1998 tại Thư viện Khoa học Tổng hợp TP.HCM. Như vậy theo Nguyễn Hữu Đang thì Vũ Hy Trác làm Trưởng ban dạy học của Hội Truyền bá học Quốc ngữ.

Việc tìm kiếm những gì nhắc đến tên ông ngoại tôi cũng chỉ có bấy nhiêu tư liệu. Gần đây, tôi có liên hệ với Thư viện Khoa học Tổng hợp TP.HCM. Sau thời gian tìm kiếm, thư viện cũng cung cấp thêm được 2 tư liệu. Trong ấn phẩm *Học báo* (bằng tiếng Pháp) số tháng 4.1939 có nêu tên Vũ Hy Trác ở danh sách giáo viên đệ Bát (được trả 432 đồng) lên đệ Lục (được trả 560 đồng). Cuốn *Học báo* số tháng 2.1941 có nêu tên Vũ Hy Trác trong danh sách giáo viên đệ Ngũ (được trả 680 đồng).

Việc ông ngoại tôi dạy học ở Hà Nội, tham gia phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ năm 1938 ở Hà Nội với tư cách là đồng tác giả sách *Văn Quốc ngữ*, tham gia tổ chức phong trào là có thật. Tuy nhiên, những tài liệu có thể mô tả rõ hơn thì không có. Những tư liệu mà tôi tìm được cũng chỉ ở mức ghi nhận.

Theo tư liệu gia đình, ông ngoại tôi là Vũ Hy Trác sinh 6.5.1911 tại Thắng Động, Khánh Thượng, Yên Mô, Ninh Bình. Năm 12 tuổi ông ra Hà Nội học. Ông đã đậu tú tài toàn phần nhưng gia đình không nhớ rõ năm. Ông tôi cưới tháng 3.1937. Bà ngoại tôi là

con gái Hà Nội. Khi Nhật đảo chính Pháp, ông đưa gia đình về Yên Mô, Ninh Bình. Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm chủ tịch lâm thời xã Khánh Thịnh, huyện Yên Khánh (nay là xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô), Ninh Bình. Khoảng năm 1946, một hôm ông nói với bà ngoại tôi là ông đi Hà Nội có việc ít ngày. Rồi ông đi mãi không về. Các cậu tôi cũng chỉ nghe kể lại như vậy.

Ở địa phương có dư luận nói rằng ông đi theo Quốc dân đảng. Thực hư chẳng biết ra sao. Bà ngoại tôi lâm cảnh góa chồng một nách bốn con, vừa nuôi dạy con vừa lo cho gia đình nhà chồng. Khi ông ra đi, mẹ tôi là con gái đầu lòng mới được 8 tuổi. Dưới mẹ tôi còn có 3 cậu đều còn nhỏ. Suốt thời gian tản cư chống Pháp rồi hợp tác hóa, bà ngoại tôi ở Yên Mô nuôi dạy con cái. Mẹ tôi và các cậu đều thoát ly làm cán bộ công nhân viên nhà nước hoặc đi bộ đội. Mẹ tôi năm nay đã 73 tuổi, là cán bộ hưu trí sống tại TP.HCM. Ở Yên Mô hiện chỉ còn cậu Vũ Chính Nghĩa là con thứ ba ở lại quê trong nom nhà thờ tổ họ Vũ. Cậu tôi là thương binh thời kháng chiến chống Mỹ.

Năm 1997, bà ngoại tôi mất. Năm nay các cậu đã xây thêm phần bia mộ cho ông ngoại chung với bia mộ bà ngoại ở cánh đồng nghĩa trang của làng.

Tôi không phải là người làm sử. Tôi chỉ là đứa cháu ngoại của ông. Khi lớn lên, tôi được nghe kể về ông. Những điều mà mẹ tôi, các cậu tôi kể lại là rất ít. Tôi muốn tìm hiểu thêm chút gì đó về ông, cũng là để về kể cho mẹ tôi nghe. Tôi đã liên hệ với một số nhà sử học, một số người chuyên làm tư liệu. Câu trả lời luôn là khó và phải biết chờ đợi. Đúng là không dễ chút nào. Bao nhiêu cơ hội đã trôi qua. Cụ Hoàng Xuân Hãn, cụ Trần Văn Giáp, cụ Nguyễn Hữu Đang... đều đã qua đời. Một nhà báo giờ đã nghỉ hưu và chuyên làm tư liệu bảo: *“Cuốn Văn Quốc ngữ bây giờ rất khó tìm. Tư liệu về cụ Vũ Hy Trác chắc là có nhưng còn ở đâu đó”*.

Ông ơi, ông ở đâu? Con cháu đã đưa tên ông về cánh đồng làng nằm cạnh bà. Mong hương hồn ông được yên nghỉ trên cánh đồng làng. Còn những tư liệu ghi lại hoạt động, đóng góp của ông cho đời, con cháu biết tìm ở đâu?

ĐI TÌM SÁCH *VĂN QUỐC NGŨ*

Phạm Hy Hưng

Cuối cùng thì tôi cũng đã nhìn thấy tận mắt cuốn *Văn Quốc ngữ - Dạy theo phương pháp mới* của Hội truyền bá học Quốc ngữ xuất bản năm 1938 tại Hà Nội. Cuốn sách thuộc về Thư viện Quốc gia ở 31 Tràng Thi - Hà Nội với mã số M12788.

Đây là cuốn sách do các cụ Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn cũng ông ngoại tôi là Vũ Hy Trác biên soạn. Trong bài viết “Nhớ lại Hội Truyền bá học Quốc ngữ nhân kỷ niệm 50 năm” vào năm 1988, chính cụ Hoàng Xuân Hãn viết: “*Tôi không biết nay còn bản in lần đầu sách tôi đã soạn ở đâu không. Nếu còn thì tôi mong có một bản ảnh sao để làm kỷ niệm*”.

Quá trình đi tìm tư liệu về ông ngoại tôi là Vũ Hy Trác đã được thể hiện trong bài “*Vũ Hy Trác, một trong những người sáng tạo văn Quốc ngữ mới*” đăng trên Tạp chí Xưa & Nay - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tháng 3.2010.

Những cố gắng tìm cuốn sách *Văn Quốc ngữ* ở phía Nam, nơi tôi sinh sống không có kết quả. Tại Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. HCM cũng có một số tư liệu liên quan đến Vũ Hy Trác nhưng không có cuốn sách này.

Sau khi báo phát hành một thời gian, một bạn đọc của Tạp chí Xưa & Nay là chị Nguyễn Thị Yến, công tác tại Phòng Báo chí - Thư viện Quốc gia 31 Tràng Thi - Hà Nội viết thư cho Tạp chí báo là ở thư viện có cuốn sách này.

Chị Yến viết: “Là một độc giả thường xuyên của tạp chí và cũng là một người làm công tác nghiên cứu tư liệu về sách báo thời kỳ trước 1954 ở Đông Dương. Qua bài báo, phần kết của tác giả có một gì đó cứ thôi thúc tôi phải đi tìm lại được một số tư liệu nào đó ghi lại đóng góp của cụ Vũ Hy Trác cho xã hội, cho gia đình. Trải qua khá nhiều thời gian tìm tòi, rất may là tôi đã tìm được cuốn sách *Văn Quốc ngữ - Dạy theo phương pháp mới* đó. Xuất bản năm 1939 ở Hà Nội. Nhà in Lê Cường 32 trang”.

Khi tôi liên hệ thì chị Yến có chuyển cho tôi những bản chụp cuốn sách *Văn Quốc ngữ* do Thư viện Pháp tặng Thư viện Quốc gia. Đó là một bản chụp gồm 23 phim và muốn đọc phải dùng thiết bị đọc chuyên dụng. Trên tấm phim có ghi chú thích cuốn “*Văn Quốc ngữ - Dạy theo phương pháp mới*” của nhà in Lê Cường - Hà Nội - 1939 với 32 trang và dòng chữ “*Bibliothèque nationale Paris*”.

Một thời gian ngắn sau, chị Nguyễn Thị Yến lại thông báo, ở thư viện vẫn còn một cuốn *Văn Quốc ngữ* với mã số M12788. Cuốn sách khổ 15x21cm, tức là gần tương đương một cuốn vở thông thường. Sách có bìa cứng màu hồng nhạt, bên trong nhiều trang giấy đã ố vàng. Cuốn sách không có tên ban soạn sách như bản phim gửi từ Paris về.

Tôi đã tổ chức chụp lại cuốn sách này và bổ sung bản chụp trang bìa 2 “Ban soạn sách” theo bản chụp phim của Pháp. Các nhà chuyên môn cho rằng việc in lại cuốn sách theo đúng “các font chữ” từ thời bắt đầu truyền bá chữ Quốc ngữ sẽ tốt hơn là nhập liệu lại theo các font chữ ngày nay.

Tôi xin trân trọng cảm ơn nhà sử học Dương Trung Quốc - Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tổng Biên tập tạp chí Xưa & Nay, nhà nghiên cứu Đào Hùng - Phó Tổng biên tập tạp chí Xưa & Nay, GS.TS. Nguyễn Đức Dân, chị Nguyễn Thị Yến, nhiếp ảnh gia Nguyễn Tường Huy và các bạn bè đã giúp tôi trong quá trình sưu tập cuốn sách *Văn Quốc ngữ* và những tư liệu về ông ngoại mình là nhà giáo Vũ Hy Trác.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2010



Ảnh tư liệu gia đình: Đám cưới ông Vũ Hy Trác

NHỚ LẠI HỘI TRUYỀN BÁ HỌC QUỐC NGỮ NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM

Hoàng Xuân Hãn

Báo Đoàn Kết đăng dưới đây toàn văn bài viết của giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Như Nguyễn Thanh đã nói trong bài *Nhân đọc bài hồi ký của bác Hãn, một vài kỷ niệm về phong trào Bình dân học vụ*, khi đăng bài này, báo Đại Đoàn Kết đã đục bỏ đoạn chót. Nghiêm trọng và đáng tiếc hơn cả, báo Đại Đoàn Kết còn xóa cả tên ông Nguyễn Hữu Đang, lúc đó được Đảng Cộng sản phân công liên lạc với nhân sĩ trí thức để vận động truyền bá Quốc ngữ. Hai mươi năm sau đó, Nguyễn Hữu Đang bị kết án trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Ba mươi năm sau vụ này, chủ nghĩa Stalin còn đề lên báo chí Việt Nam, buộc một tờ báo đi hàng đầu trong phong trào đổi mới, phải viết lại lịch sử bằng cách “hốt cắt đục”.

Bảy giờ vào khoảng cuối năm 1937; hơn một năm qua, tôi được bổ dạy những lớp lớn trường Bưởi sắp đi thi “bằng Tú tài”. Tuy công việc khá nặng nề, nhưng tôi cũng để một ít thời giờ tới thăm Trường Viễn Đông Bác Cổ của Pháp ở Hà Nội, vì muốn làm quen “cụ Tố”, là một nhân vật có một không hai ở đây. Tuy là một tay Tây học nổi tiếng, nhưng cụ vẫn áo dài quần trắng, khăn xếp giầy đen như một thầy khóa thời xưa. Bởi là người bản xứ, cụ chỉ giữ một chức nhỏ, nhưng hầu hết các viên chức Pháp ở đây cần tới cụ trong khi làm việc trường hay khảo cứu. Vì vậy ai cũng kính nể cụ. Và đối với hàng trí thức ta, cụ lại là trưởng Hội Trí Tri, có hội quán, có thư viện, và đại đa số nhân viên là công chức tai mắt xứ Bắc Kỳ. Bởi những lẽ ấy, không những cụ được mọi người trọng, mà ảnh hưởng xã hội của cụ đương thời cũng không ít.

Một hôm gặp tôi, cụ liền hỏi: “*Họ đã mời ông vào hội chưa ?*”. Tôi đáp: “*Chưa. Thực tôi rất bận dạy toán, không thể nhận vào Hội Trí Tri của cụ được*”. Cụ cười và nói: “*Có phải tôi muốn nói Hội Trí Tri đâu! Tôi muốn nói Hội Truyền bá học Quốc ngữ. Tôi tưởng ông đã biết chuyện rồi*”.

Lần đầu nghe nói đến tên hội này, tôi lấy làm ngạc nhiên, rồi đáp: “*Không ai mời tôi cả. Và chẳng ngày nay ai mà chẳng học Quốc ngữ; thì lập hội làm gì? Hoặc Quốc ngữ đây nghĩa là tiếng ta, tiếng và văn Việt ngữ? Lập hội với mục đích ấy cũng tốt, vì ngày nay ai cũng muốn nói tiếng Tây cho thoáng, chứ không hiểu đúng tiếng ta, đến đôi hạng làm hiểu rằng “yếu điểm” là điểm yếu ngày càng nhiều*”. Cụ để tôi nói dài mới ngắt lời, rồi đáp: “*Truyền bá Quốc ngữ là truyền bá cách viết tiếng ta bằng những chữ La-tinh A, B, C*”.

Tôi im lặng. Nhân lúc ấy, ông Trần Văn Giáp, cũng nhân viên trường Bác Cổ, thấy tôi, liền ghé lại chào. Nghe câu chuyện giữa cụ Tố với tôi, ông bảo riêng tôi rằng : “*Tôi*

cũng muốn gặp ông để nói chuyện ấy. Đây là bởi một nhóm chú ý vào hành vi xã hội, để xướng ra. Họ muốn lập những lớp bình dân dạy chữ Quốc ngữ cho các em bé thất học và những người đứng tuổi mù chữ nhà nghèo. Họ muốn những người có danh nhưng “vô chính trị”, như cụ Tổ và chúng ta, đứng ra xin phép, thì may chi Tòa Thống sứ và Sở Mật thám mới cho phép. Sau khi được thành lập, hội lại phải quyên tiền để mua bút giấy cho học trò. Tội mật thám rất sợ điều này, vì chúng nghi mình dùng tiền làm chính trị. Ông Nguyễn Hữu Đang, một chân trong nhóm sáng lập, có trách nhiệm liên lạc với các trí thức thiện chí. Ông ấy nhờ tôi hỏi ông có nhận giúp không.”

Rồi tôi gặp các bạn giáo sư trường Bưởi như các anh Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Xiển, Nguyễn Mạnh Tường, cũng đã được chạm ướm. Tôi nhận lời mời, nhưng Trần Văn Giáp cho tôi biết rằng Tòa Thống sứ kiểm chuyện để ngăn hội thành lập, lấy lẽ rằng không cần lập hội, vì ngày nay Quốc ngữ đã được truyền bá rồi, và ngoài chữ Pháp, người ta chỉ dùng chữ Quốc ngữ mà thôi. Cuối cùng, phải đổi tên hội ra “*Hội Truyền bá học Quốc ngữ*” thì phòng chính trị mới cho phép lập. Nhưng phải nói thêm rằng bên Pháp bấy giờ còn có ảnh hưởng phong trào Bình dân (*Front populaire*), cho nên chính quyền thuộc địa cũng phải cởi mở ít nhiều.

Vì rất bận việc dạy toán, tôi không tới dự các buổi hội đồng, chỉ nhờ Trần Văn Giáp thay mặt và báo tin. Ảnh cho tôi hay rằng cụ Nguyễn Văn Tổ đã được bầu làm hội trưởng, Nguyễn Hữu Đang, Trần Văn Giáp và tôi được bầu vào ban tu thư. Tôi ngò ý với Trần Văn Giáp về việc soạn quyển sách dạy *Văn Quốc ngữ*. Đại ý như sau: “*Lối dạy và lối học của hội ta không cần theo lối chính qui của các sách và các nhà trường. Mục đích ta là muốn học cho dễ, cho biết đánh vần chónh, biết viết chónh. Mục đích là làm sao cho trẻ con hoặc người đứng tuổi học không sợ khó, không hay quên, lại lấy học làm vui thích. Ta cũng nên vừa dạy đánh vần vừa khiến cho học trò, nhất là những người lớn tuổi, hiểu sự cơ động các vần*”. Sau khi tôi đề nghị mấy mục đích trên, Trần Văn Giáp và Nguyễn Hữu Đang giao cho tôi hoàn toàn trách nhiệm soạn sách tập đọc, tuy các anh cũng chưa hiểu rõ tôi muốn thực hiện ý gì.

Tôi bèn tự đặt một số nguyên tắc giản dị trong nghề dạy: là dạy từ dễ đến khó, từ đơn đến tạp, dùng đủ các cơ quan tai, mắt, tay để tri thức dễ hấp thụ và giữ bền. Những nguyên tắc ấy như sau :

1. Không tách rời sự dạy các chữ cái rồi mới dạy đánh vần.
2. Khi dạy chữ cái, thì dạy lẫn lộn chữ vần bằng (phụ âm) và chữ vần trắc (nguyên âm), vì nếu dạy như vậy, thì khi mới học một chữ vần bằng và một chữ vần trắc, học trò đã có thể ghép lại thành vần, và phân tích để hiểu cơ cấu và cơ động của vần.
3. Gọi các chữ cái vần bằng B, C, D ... là Bờ, Cờ, Dờ... thay Bê, Xê, Dê... theo xưa. Làm như vậy thì đánh vần mới hợp lí cho các chữ C, G, H, X; kéo ví dụ đánh vần “*XÊ A là CA*” là không thuận, vì nó phải là “*XA*”. Gọi thẳng các vần bằng kép : Gi là Giờ, Kh là Khờ, Ng là Ngờ, Nh là Nhờ, Ph là Phờ, Qu là Quờ, Th là Thờ, Tr là Trờ.

4. Khi đánh những vần gồm hai phần (phụ âm đơn hay kép trước một nguyên âm, hoặc hai hoặc ba nguyên âm hỗn hợp thành một nguyên âm kép, nguyên âm đơn hay kép trước phụ âm đơn hay kép) thì bắt đầu đọc hai hoặc ba phần rời và mạnh như nhau, rồi dần dần vừa đọc dúu lại, vừa đọc bé phần sau đi, vừa lắng tai nghe đã thành tiếng gì.
5. Về dạy viết, thì bắt đầu chọn những chữ dễ viết cho những ngón tay chưa từng cầm bút; và có thể chỉ dùng ngón tay vẽ hình chữ nhiều lần cho nhớ. Hoặc dùng bút chì viết trước khi dùng bút sắt. Vì lẽ ấy tôi đã bắt đầu sách bằng hai chữ I, Tờ, vốn là hai chữ gọn gàng nhất trong vần. Tôi lại muốn, lúc mới vào học, học trò không nản lòng. Cho nên tôi đã đặt một ít câu về, phần để làm vui, phần để làm cho dễ nhớ mấy chữ học vỡ lòng. Ví như:

*I Tờ hai móc cả hai
I ngắn có chấm, Tờ dài có ngang.*

*O tròn như quả trứng gà
Ô thì đội mũ, Ơ là thêm râu.*

6. Không đợi học hết những chữ cái mới học các dấu biến thanh. Học như vậy thì mới học ba buổi, mà đã ghép thành nhiều tiếng với I, T, O, Ô, Ơ và năm dấu. Tôi cũng đã đặt hai vế lục bát để dễ nhớ các dấu biến thanh ấy:

*Huyền ngang, Sắc dọc, Nặng tròn
Hỏi lom khom đứng, Ngã... buồn nằm ngang!*

Đó là luật âm thanh thuận miệng thuận tai. Cứ đọc đi đọc lại nhiều lần thì thấy luật đọc dấu.

7. Để dành lại cuối cùng những vần ngoại lệ đơn và kép K, Gh, Ngh trước những nguyên âm E, Ê, I thì chỉ cần học : K đọc Cờ như C, Gh đọc Gờ như G, Ngh đọc Ngờ như Ng. Chữ Gi đọc Giờ. Lại giảng thêm rằng hễ có sự ngoại lệ rắc rối ấy, là bởi vần Quốc ngữ được đặt ra bởi những giáo sĩ Bồ Đào Nha dựa theo vần của họ. Sau này, khi ta có dịp, ta sẽ cải cách cho nhập lệ hơn.

Với những nguyên tắc trên, tôi đã thảo quyển *Vần Quốc ngữ*. Các người trong ban tu thư chấp thuận rồi đem in, và phát cho các hội viên giảng dạy. Tôi còn nhớ bấy giờ cần nhiều tiền, phần để in sách, phần để mua bút giấy phát không cho thầy giáo và học trò.

Ban tài chính rải khắp Hà Nội, lạc quyền những người hăng sản hăng tâm, hoặc tiền, hoặc đồ vật. Một nhóm phụ nữ hăng hái (các bà Đỗ Xuân Hợp, Nguyễn Đức Thụ, Trần Bảo Sơn, Phạm Thị Huệ, Trịnh Thị Vân, Nguyễn Thị Tuyên, Nguyễn Thị Bính...) đã mấy lần tổ chức buổi “đấu giá” ở hội quán Hội Khai Trí Tiến Đức tại bờ Hồ. Nhiều thanh niên, thanh nữ tình nguyện dạy những lớp tối cho trẻ em nghèo, những lao động nam nữ thất học, tụ họp tại một vài nơi, như hội quán Trí Tri, chợ Đồng Xuân, trường Sinh Từ và một số đình chùa. Nhờ vậy, phong trào truyền bá Quốc ngữ rất sôi nổi mấy năm đầu và đã có thể lập chi nhánh ở một vài nơi mà chính quyền cho phép lập.

Tôi đã kết thúc quyển văn bằng một bài tập đọc có tính cách tổng quát. Tôi đã cố ý trừ sự nghi kỵ của Sở Mật thám mà chọn một bài gia huấn của ông tôi (*"Xuân đình gia huấn"* của Lê Kinh Thập), bắt đầu như sau:

*Sinh con trai gái đôi hàng
Mẹ nuôi cha dạy chăm thương đủ bề
Chữ rằng "Hữu phúc khán nhi"
Có con không dạy bởi gì mà nên ...*

Hồi bấy giờ có kẻ làm việc kiểm duyệt chính trị đã nói đến tai tôi rằng: *"Họ đã biết tác giả quyển sách văn là ông. Họ thấy sách lạ, họ ngạc nhiên. Họ đã xét kỹ càng, nhưng không thấy dấu gì là tuyên truyền chính trị. Tuy vậy, họ vẫn nghi ngờ và theo dõi nhân viên hội."*

Sự thử thách tổ chức hội và phương pháp dạy ở Hà Nội có kết quả lớn, nhưng chính quyền không để bành trướng cụ thể nhiều. Tuy nhiên, phương pháp *"I Tờ"* được nhiều nơi biết đến. Thậm chí có những kẻ không thức thời chế những người ít học là kẻ *"i tờ"*.

Sau ngày chính quyền Pháp bị Nhật quân triệt hạ, nhất là sau khi nhân dân ta tự chủ nắm trách nhiệm xóa nạn mù chữ cho toàn quốc thì phong trào mở lớp học bình dân, dạy văn Quốc ngữ theo phép *"i tờ"* bùng nổ từ thành thị cho đến thôn quê.

Hơn bốn mươi năm sau khi phong trào ấy ra đời, tôi ở đất người, còn được nghe kể một câu chuyện vừa cảm động vừa buồn cười, có liên quan đến hai tiếng *"i tờ"* kia.

Có người phụ nữ, quê ở miền trong, nghe nói tôi là tác giả những câu về *"i tờ"* cô ta nhắc lại những câu hát của trai gái ghẹo đùa nhau, nghe khi cô còn bé:

*Trai: "Ai về Chợ Viễn, Khánh Vân
Hỏi thăm cô Tú đánh văn được chưa."*

*Gái: "Đánh văn năm ngoái năm xưa
Năm nay quên hết như chưa học văn."*

*Trai: "Bây giờ có lớp bình dân
I Tờ ghép lại đánh văn như chơi!"*

*Gái: "Bình dân! Khổ lắm anh ơi!
Không đi thì dốt, đi thời... bụng... T... O..."*

Viết tại Paris, đầu hè năm 1988

Phụ bút: *Trên đây tôi viết theo ký ức, vì nguyên bản văn đã mất từ lâu. Trong bản, tôi có viết bài tựa mang đại ý phương pháp bày trên. Tôi sợ trong bài trên có điều khác trong bài tựa. Tôi không biết nay còn bản in lần đầu sách tôi đã soạn ở đâu không. Nếu còn thì tôi mong có một bản ảnh sao để làm kỷ niệm.*

(Bài đã đăng báo Đoàn Kết tháng 9.10.1988 số 405-406)

*Tư liệu về bài báo liên quan đến
Hoàng Xuân Hãn - Nguyễn Hữu Đang - Vũ Hy Trác trên báo Đại Đoàn Kết.*

VỀ BÀI “NHỚ LẠI HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGŨ, NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM” CỦA ÔNG HOÀNG XUÂN HÃN

Ngô Nhật Quang – Trần Lê Nghĩa

Bài này đã được đăng trong báo *Đại Đoàn Kết* (Hà Nội) số 31, ngày 6.8.1988, với một số chỗ lược bỏ.

Báo *Đại Đoàn Kết* (Paris), trong số 405-406 tháng 9 và 10 năm 1988, đã đăng toàn văn bài này với lời tòa soạn có nhận xét như sau “... Khi đăng bài này, báo *Đại Đoàn Kết* đã đục đoạn chót. Nghiêm trọng và đáng tiếc hơn cả, báo *Đại Đoàn Kết* còn xóa cả tên ông Nguyễn Hữu Đang, lúc đó được Đảng Cộng sản phân công liên lạc với nhân sĩ trí thức để vận động truyền bá Quốc ngữ...” và phê bình viết lại lịch sử bằng cách “hốt cắt đục”.

Cùng bài của ông Hoàng Xuân Hãn, báo *Đại Đoàn Kết* đã đăng “Một vài kỷ niệm về phong trào bình dân học vụ” của ông Nguyễn Thanh.

Trong khi nhắc lại hai câu cuối của bài về được dẫn trong bài của ông Hoàng Xuân Hãn, đã bị cắt bỏ khi đăng trên báo *Đại Đoàn Kết* “*Bình dân! Khổ lắm ai ơi! Không đi thì đốt, đi thì bụng to*”, ông đánh giá rằng: “*Vị nào cầm bút gạch hai câu đó là thiếu óc trào lộng. Không có hai câu cuối có phần tiểu lâm này, thì bài về kia làm sao có thể sống lâu cùng đất nước!*”

Chu cha! Lời phê bình và trách móc quá nghiêm chỉnh và thân tình khiến không thể không trình bày trở lại.

Cuối năm 1987, một số anh em hoạt động trong Hội Truyền bá học Quốc ngữ trước đây bàn việc tổ chức kỷ niệm 50 năm thành lập Hội (1938 - 1988) và xuất bản một tập sách vào dịp đó. Một nhóm biên tập đã được cử ra để tổ chức bản thảo. Trong số bài viết, chúng tôi rất mong có một bài của ông Hoàng Xuân Hãn, lúc thành lập Hội là trưởng ban tu thư, người đã sáng tạo ra phương pháp “*i tờ*” nổi tiếng. Đầu tháng 5 năm 1988, Ban tổ chức kỷ niệm đã nhờ ông Nguyễn Xiển đề nghị với ông Hoàng Xuân Hãn viết bài.

Chúng tôi đã nhận được bài ngày 25 tháng 7. Tiếc rằng, lúc đó, cuốn sách đã vừa in xong để kịp phát hành đầu tháng 8 vào dịp tổ chức kỷ niệm. Để bài viết của ông Hoàng Xuân Hãn kịp ra mắt cùng vào dịp đó, chúng tôi đã đề nghị báo *Đại Đoàn Kết* đăng cho. Nhóm biên tập chúng tôi đã biên tập bài báo như đã đăng trên báo. Chúng tôi không thể có thời gian trao đổi với tác giả về hai chỗ lược bớt.

Trách nhiệm lược bỏ đó không thuộc về báo *Đại Đoàn Kết* mà về chúng tôi, nhân danh Ban tổ chức kỷ niệm, đưa đăng, và nay xin trình bày như sau :

Bài viết của ông Hoàng Xuân Hãn bắt đầu bằng câu “*Bấy giờ vào khoảng cuối năm 1937...*” và nhắc đến tên ông Nguyễn Hữu Đang ở ba chỗ khi thuật lại lời của ông Trần Văn Giáp : 1) “*ông ấy nhờ tôi hỏi ông có nhận giúp không*”, 2) “*Anh cho tôi hay rằng cụ Nguyễn Văn Tố (được bầu làm hội trưởng) và Nguyễn Hữu Đang, Trần Văn Giáp và tôi (được bầu vào ban tu thư)*”, 3) “*Trần Văn Giáp và Nguyễn Hữu Đang giao cho tôi hoàn toàn trách nhiệm soạn sách tập đọc*”.

Có thể xác định thời điểm của những sự kiện được nhắc lại trong bài hồi ký của ông Hoàng Xuân Hãn là từ cuối năm 1937 đến khoảng giữa năm 1938, nghĩa là trong thời gian vận động thành lập Hội và khi tiến hành việc viết cuốn “*Văn Quốc ngữ*” theo sáng kiến của ông Hoàng Xuân Hãn.

Nhưng trong cả thời gian đó, ông Nguyễn Hữu Đang không có mặt ở Hà Nội, mà đang dạy học ở Ninh Bình. Theo lời ông Nguyễn Hữu Đang nói với chúng tôi, thì ông biết tin thành lập Hội là qua bài tường thuật trên báo *Trung Bắc Tân Văn* về buổi ra mắt của Hội Truyền bá học Quốc ngữ tối hôm 25.5.1938 ở sân quần vợt “Hội quán thể thao An-nam” (CSA). Tin đó gây cho ông một ấn tượng sâu sắc, một niềm vui lớn, và ông có ý định về Hà Nội hoạt động cho Hội, góp sức vào công cuộc có ý nghĩa. Và buổi đầu đến với Hội, vẫn theo lời ông nói với chúng tôi, là một ngày cuối thu, đến hội quán Trí Tri, phố Hàng Quạt, nơi đang mở những lớp truyền bá Quốc ngữ đầu tiên, gặp ở đó ông Quản Xuân Nam, phó thư ký của Hội, và ông Vũ Hy Trác, trong ban tu thư và ban dạy học, một bạn học cùng trường Sư phạm cũ. Lúc đó các lớp truyền bá Quốc ngữ đã đang dạy theo phương pháp mới do ông Hoàng Xuân Hãn đề xướng.

Trong lời tựa cuốn *Văn Quốc ngữ - Dạy theo phương pháp mới* in lần thứ nhất, có ghi rõ: “*Phương pháp dạy trong sách này chúng tôi đã đem thực hành ở mấy chục lớp học thứ nhất của Hội Truyền bá học Quốc ngữ tại Hà Nội từ tháng septembre năm 1938, đã thấy kết quả tốt đẹp. Nhờ các ông bà giáo dạy giúp Hội trong những lớp ấy chỉ bảo cho những khuyết điểm ở bản sơ thảo, chúng tôi cân nhắc sửa chữa, mới đem xuất bản.*”

Trang 2 bìa có ghi: “*Ban soạn sách : Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Hy Trác*”.

Như vậy ba chỗ nhắc đến tên ông Nguyễn Hữu Đang ở ba thời điểm đó, là không chính xác. Hoặc giả ra có sự nhớ lẫn với ông Vũ Hy Trác, cũng là một nhà sư phạm, cùng trạc tuổi, có tên trong ban soạn sách.

Chúng tôi đã lược bỏ tên ông Nguyễn Hữu Đang ở những đoạn đó vì sự chân xác lịch sử.

Tuy không tham gia Hội Truyền bá học Quốc ngữ ngay từ đầu, nhưng ông Nguyễn Hữu Đang sớm có những đóng góp quan trọng, đặc biệt trong việc rút kinh nghiệm cải tiến phương pháp dạy học, trong việc tu chỉnh cuốn *Văn Quốc ngữ* để dạy trong những khóa học sau. Hẳn rằng, trong việc này, có sự trao đổi ý kiến, cộng tác giữa ông và ông

Hoàng Xuân Hãn, nên trong bài hồi ký của mình, và một sự kiện cách đây đã gần 50 năm, đã có đôi chút thiếu chính xác, rất dễ hiểu, về thời gian.

Bài về “*Ai về Chợ Viễn, Khánh Vân...*” dẫn ở cuối bài của ông Hãn là một bản khảo dị bài “*Ai về chợ huyện Thanh Vân*” do Ngọc Tinh trong ban tuyên truyền cổ động *Bình dân học vụ* sáng tác cuối năm 1945. Bài này gồm ba câu lục bát, hai câu đầu nói đùa cô Tú đã quên chữ và câu cuối khuyến khích đến lớp *Bình dân học vụ* học thêm. Kết cấu và nội dung như vậy là hoàn chỉnh. Bài có âm hưởng ca dao, được quần chúng yêu thích và đã được phổ nhạc nên càng được biết rất rộng rãi. Nơi này nơi khác đổi tên địa danh “*Thanh Vân*” cho thêm địa phương tính. Như trên đã nói, ba câu lục bát trong bài “*Ai về chợ huyện Thanh Vân...*” đã là một thể hoàn chỉnh, câu thứ tư đưa vào là thêm một ý khác, và lại chỉ nêu lên một sự kiện cá biệt (ở các lớp *Bình dân học vụ* đa số là phụ nữ, khá đông ở tuổi nữ thanh niên, có mấy cô vì đi học mà bụng to?). Nghĩ như vậy, chúng tôi đã lược bỏ câu lục bát thứ tư trong bài về. Ông Nguyễn Thanh có quan điểm khác, chúng tôi tôn trọng. Ai cũng biết về “phán đoán giá trị” không thể và có lẽ không cần sự thống nhất. Nhưng có điều chắc chắn là đi vào lịch sử và văn học là bài “*Ai về chợ huyện Thanh Vân...*” được biết và yêu thích rộng rãi.

Nhóm biên tập chúng tôi đã làm một việc lược bỏ (mà báo *Đoàn Kết* đã nêu) thấy là cần thiết. Chỉ xin kết luận bằng một câu chính của báo *Đoàn Kết*, cùng trong số 405-406 trang 3 trả lời độc giả N.T.T. (Paris):

“*Ban biên tập nào cũng có sự lựa chọn (và lược bớt nếu xét cần thiết - chúng tôi thêm) đó, chúng tôi không nghĩ rằng đánh giá của mình là chân lý đâu!*”

Nhân đây cũng xin góp một ý về điểm cuối trong bài của Nguyễn Thanh, nêu lên như một nghi vấn: “*O tròn như quả trứng gà, Ô thì đội mũ, O là thêm râu*” (theo thoại của bác Hãn), ở vùng Quảng Nam người ta thay chữ là bằng chữ già. Không biết vì bác Hãn nhớ lầm (sau gần 50 năm) hay một người nào đó đã “hiệu đính” bài về của Bác?”. Xin thưa: là đúng theo câu nguyên tác, in ở bài 3 trong cuốn *Văn Quốc ngữ - Dạy theo phương pháp mới*, in lần thứ nhất (sách đã dẫn, trang 3).

Thay mặt nhóm biên tập
(*Đại Đoàn Kết*, 24.2.89)

ĐÔI LỜI CỦA BAN BIÊN TẬP

Chúng tôi hoan nghênh nội dung và hình thức trả lời của hai tác giả Ngô Nhật Quang, Trần Lê Nghĩa, cũng như thái độ trân trọng của Ban biên tập *Đại Đoàn Kết* đã đăng bài này trên trang nhất.

Chúng tôi đã chuyển bài này tới giáo sư Hoàng Xuân Hãn và được bác Hãn cho biết thêm như sau:

Bác đã viết bài “*Nhớ lại...*” hoàn toàn dựa theo trí nhớ, nên rất có thể có sự nhầm lẫn về vai trò của hai ông Vũ Hy Trác và Nguyễn Hữu Đang.

- Bác không nhớ tên ông Vũ Hy Trác, chỉ nhớ tên ông Nguyễn Hữu Đang, và trong trí nhớ, tên tuổi ông Đang gắn liền với thời kỳ cách đây 50 năm, chứ cũng không biết rằng ông Đang tham gia phong trào *Nhân văn giai phẩm* cách đây hơn 30 năm.

Để chấm dứt cuộc trao đổi nghiêm túc và bổ ích này chúng tôi xin nêu hai nhận xét :

- Về nguyên tắc biên tập, báo *Đại Đoàn Kết* không sửa đổi bản thảo nào nếu không được sự đồng ý của tác giả. Trong trường hợp không liên lạc được với tác giả, hoặc tác giả giữ vững ý kiến của mình, thì chúng tôi đăng nguyên bài văn của tác giả và kèm theo, có thể đăng ý kiến của một biên tập viên hay của ban biên tập.

- Chúng tôi rất hoan nghênh hai tác giả Ngô Nhật Quang và Trần Lê Nghĩa đã nói rõ đóng góp của ông Nguyễn Hữu Đang vào phong trào truyền bá Quốc ngữ.

Với những thông tin hạn hẹp mà chúng tôi có được, thì đây là lần đầu từ 32 năm nay, một tờ báo trong nước nói tới ông Nguyễn Hữu Đang một cách đàng hoàng, nghiêm chỉnh. Cũng chính vì vậy mà khi thấy báo *Đại Đoàn Kết* đăng bài Hoàng Xuân Hãn mà không có đoạn nói tới Nguyễn Hữu Đang, chúng tôi đã phải kết luận là có sự hốt cật đục. Bài trả lời chúng tỏ rằng kết luận như vậy có phần hàm hồ. Nhưng có lẽ cũng nhờ sự hàm hồ đó mà chúng tôi được đọc một bài trả lời nghiêm túc.

Bài đã đăng báo *Đại Đoàn Kết* tháng 6/7.1989 số 414-415

ĐỌC QUYỂN VẦN I TỜ, NHỚ THỜI BÌNH DÂN HỌC VỤ

Võ Văn Sở

Nguyên trưởng ban BDHV xã Phước Vĩnh An, Củ Chi,

thời đầu chín năm kháng chiến

Qua thời gian 65 năm, đến cuối năm 2010, tôi mới lại cầm được quyển ***Vần Quốc ngữ - Dạy theo phương pháp mới*** do Hội Truyền bá học Quốc ngữ Hà Nội xuất bản năm 1938, ghi tên ba tác giả là Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn và Vũ Hy Trác.

Đọc qua, lòng bỗng bồi hồi xúc động, nhớ lại kỷ niệm thời Cách mạng tháng Tám 1945 thành công mà sôi nổi nhất là phong trào thi đua ái quốc do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát động diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, đó là phong trào *Bình dân học vụ* (BDHV).

Tôi được đi học đến lớp nhứt (Cour Supérieur) trường tổng, do không đậu tốt nghiệp nên phải “trở về làng cũ học cày cho xong”. Nhưng khi cầm cày còn té lên, té xuống thì cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, xóa bỏ chế độ thuộc địa, nhưng chưa bao lâu thì Pháp lại tái chiếm, nhân dân ta làm cuộc kháng chiến chín năm.

Thời đó, kiếm đồ con mắt, trong xóm tôi chỉ có được một bằng Thành Chung (Diplome) và vài ba người lên lớp nhứt trường tổng (bằng lớp năm bây giờ), đám trai làng may ra học đến lớp ba (sơ đẳng, cour élémentaire) trường làng, lớp con gái thì đành dốt đặc.

Bác Hồ đã thấy giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm đều nguy hiểm như nhau, nên phong trào xóa mù chữ lan rộng khắp mọi làng xã. Giặc chưa đủ mạnh để kiểm soát vùng nông thôn, trong bối cảnh đó tôi được triệu tập về huyện dự khóa tập huấn ngắn ngày về phương pháp dạy học theo cách mới “i, tờ” và trở về xã đảm nhiệm công tác Trưởng ban Bình dân học vụ, bắt tay vào triển khai công cuộc xóa mù chữ trong toàn dân một cách hết sức rầm rộ và sôi nổi ngay từ những ngày đầu Nam bộ kháng chiến.

Lực lượng cơ hữu của BDHV là số thanh niên nam nữ biết chữ khá thành các thầy cô giáo huấn cấp tốc tại chỗ, rồi phân công người dạy lớp ban ngày cho trẻ em, sẽ là biên chế chánh thức; số còn lại xem như cộng tác viên phụ trách xóa mù chữ ban đêm. Hoặc tập trung hoặc phân tán tùy hoàn cảnh mỗi người, với mục đích cuối cùng là ai cũng phải biết đọc, biết viết.

Tất cả các cơ quan đều vào cuộc. Ủy ban, mặt trận, đoàn thể đều tham gia vận động, kiểm tra, đôn đốc; ban thông tin tuyên truyền thì tổ chức diễn kịch, ca hát để gây phong trào; công an, dân quân thì lo công tác an ninh, canh gác. Cơ sở trường lớp thì tận dụng các nhà vuông ấp, các miếu thờ, điểm canh cũ cho lớp ban ngày, lớp đêm thì dùng các nhà rộng rãi hoặc tập trung, hoặc đơn lẻ với các bà mẹ bỗng con và ánh đuốc bập bùng.

Tài liệu học tập là vần Quốc ngữ “i tờ” do Ty Giáo dục tỉnh Gia Định đưa về với hình thức in roéo, hoàn toàn khác so với cách học cũ; không còn đọc *a, bê, xê*; không theo nguyên âm, phụ âm, vần xuôi, vần ngược mà sẽ đọc là *bờ, cờ, tờ, khờ* và từ học thuộc chữ cái, rồi ráp vần và tập viết. Ví dụ i, t ráp lại là tờ i ti, i tờ ít v.v... Kèm theo là câu ca dao dễ nhớ: “i, tờ có móc cả hai, i ngắn có chấm, tờ dài có ngang”. Quyển học vần gồm có 40 bài, tức là quyển ***Vần Quốc ngữ - Dạy theo phương pháp mới*** của Hội Truyền bá học Quốc ngữ đã xuất bản từ năm 1938.

Còn có biện pháp kiểm soát cứng rắn hơn là dựng lên những trạm gác có công chắn và qui định ai muốn đi qua phải đọc hàng chữ này, không đọc được thì mời trở về, việc này xem ra cũng hiệu nghiệm, nhân đây xin ghi lại chuyện vui vui.

Trên đường dài kháng chiến, có nhiều trạm kiểm soát an ninh được lập ra, kiêm luôn cả cái việc kiểm tra chữ nghĩa. Trong đoàn công tác có những anh chàng láu cá bảo rằng mình không biết chữ để bị ách lại hòng có cơ tán hươu tán vượn với những chị dân quân duyên dáng, đến lúc cần đi mới thú nhận mình biết chữ, được các chị phê bình cho một trận rồi cười huề, mạnh ai nấy đi.

Các lớp trẻ em ban ngày vẫn học theo chương trình, theo thời dụng biểu, trường học kháng chiến được Ty Giáo dục dán bản kêu gọi bằng Pháp văn đại ý bảo “Đây là cơ sở để mở mang trí tuệ cho nhân dân, yêu cầu những người văn minh tiến bộ không được đốt phá”. Và các điểm xóa mù chữ có khi một đêm học hết hai bài, nên không lâu sau thì đọc thông viết thạo và kết thúc khóa học.

Một trở ngại cho ngành BDHV là làm sao để in ra được nhiều quyển vần để cung cấp cho từng học viên? Mà cái khó khăn ban đầu là có tiền Đông Dương Ngân hàng và tổ chức ra Thành mua giấy bút đã giải quyết được.

Cũng không biết do sáng kiến của ai mà người ta cải tiến ách in xu xoa (rau câu) qua in bột để thay cho máy đánh chữ và quay ronéo có mớ cũng không có.

Bột gạo được xay ra, để đặc lại rồi cán phẳng ra trên một tấm ván cỡ bằng khung giấy. Chọn người viết chữ đẹp, pha mực thật đậm và cứ bản chánh sao y, đem đặt từng tờ lên mặt bột, cho chữ dính vào bột, là đặt giấy trắng lên in ra những chữ mà mình muốn. Độ chừng mười bản thì chữ sẽ mờ đi phải nhồi bột lại, viết bản khác và tiếp tục. Sau đó xếp lại đóng tập là hoàn thành nhiệm vụ của một nhà in kháng chiến.

Không nhớ thời gian nào thì công cuộc xóa mù chữ hoàn thành, nhưng vẫn không quên ngày hội tổng kết do huyện triệu tập tất cả các xã tiến hành trong hai ngày tại ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây. Kết quả, xã An Nhơn Tây hạng Nhứt, được nhận cờ thi đua của Tỉnh. Xã Phước Vĩnh An của chúng tôi, một xã thường bị giặc ruồng bỏ, được hạng Tư trong toàn huyện. Giấy khen được gửi về. Toàn thể thầy cô giáo đều vui mừng không uổng công lao.

Tiếp đó Ban BDHV được đổi thành Ban Giáo dục, phân ra hai ngành: Tiểu học vụ và Bình dân học vụ, để từng bước nâng cao dân trí theo kế hoạch chung. Chúng tôi vẫn tiếp tục công việc được giao.

Rồi thời cuộc ngày càng khó khăn, chiến cuộc ngày càng khốc liệt, mọi người đều có công tác khác nhau, tôi xin thoát ly địa phương để vào bộ đội cho thỏa chí bình sanh, giao việc lại cho người khác.

Ngày nay có dịp gặp lại những người cùng thời BDHV đầu đã bạc, cháu nội ngoại đề huề, ôn lại chuyện cũ, lòng thấy vui vui.

Thành phố Hồ Chí Minh, những ngày đầu xuân 2011.

MỤC LỤC

Bài thứ

1. i, t	9
2. u, ư, n	10
3. m, o, ô, ơ, a (không học ă, â, để lại sau với vần trắc)	11
4. Dấu huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã	12
5. e, ê, l, và ôn lại các dấu	13
6. b, am, em, im, om, um	14
7. h, ă, â, ăm, âm, êm, ôm, ơ	15
8. an, ăn, ân, en, ên, in, on, ôn, ơn, un	16
9. d, đ và học ôn lại các bài trước	16
10. qu, ai, oi, ôi, ơ, ui, ư	17
11. g (gờ đơn), gh (gờ kép), ng (ngờ đơn), ngh (ngờ kép) và ôn lại các vần trắc.	18
12. c (cờ), k (ka), ang, ăng, âng, ông, ong, ung, ung	19
13. at, ăt, ăt, et, êt, it, ot, ôt, ơt, ut, ưt	20
14. nh, ac, ăc, ăt, oc, ôc, ơc, uc, ưc	21
15. v, r, anh, ênh, inh	22
16. ch, tr, và học ôn lại các bài trước	23
17. ph, ach, êch, ich	24
18. th, ap, ăp, ăt, ep, êp	25
19. kh, ip, op, ôp, ơp, up	26
20. ao, au, âu, eo, êu, iu, ư	27
21. x, s và ôn lại	28
22. gi, ia, oa, ua, ư, oe, uê	29
23. iêm, iên, iêc, iêt, iêp, iêu	30

24. y, yêm, yên, yêt, yêu, ay, ây, uy	31
25. Chữ hoa A – N Tập đọc	32
26. Chữ hoa O – Y Tập đọc	33
27. Chữ in từ A – Y Tập đọc	34
28. Chữ in hoa Tập đọc	35
29. oam, oan, uân, uôn, ươm, ươn, oen	36
30. iêng, yêng, oang, oăng, uâng, uông, ương, oong.....	37
31. oat, oắt, uât, oet, uôt, ươt, uyt.....	38
32. oac, oắc, uộc, ươp 	39
33. oanh, uynh, oach, uych 	40
34. uya, oai, uôi, ươi, ươu, oay, uây, uyêt, uyên.....	41
35. Con số và số 	42
36. Con số và số tiếp theo 	43
37. Dấu; dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu chấm	44
38, 39, 40, 41, 42, 43, 44 Bài tập đọc	45

Các bài đọc thêm:

- Vũ Hy Trác, một trong những người sáng tạo Văn Quốc ngữ mới - Phạm Hy Hưng	52
- Đi tìm sách Văn Quốc ngữ - Phạm Hy Hưng	56
- Nhớ lại Hội Truyền bá học Quốc ngữ nhân kỷ niệm 50 năm – Hoàng Xuân Hãn	58
- Về bài “Nhớ lại Hội Truyền bá học Quốc ngữ, nhân kỷ niệm 50 năm” của ông Hoàng Xuân Hãn - Ngô Nhật Quang – Trần Lê Nghĩa.....	62
- Đọc quyển văn “i tờ”, nhớ thời Bình dân học vụ - Võ Văn Sở	66

VĂN QUỐC NGŨ

DẠY THEO PHƯƠNG PHÁP MỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: HƯƠNG NHIÊN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1

ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225

Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1141-2012/CXB/85-124/THTPHCM ngày 27/9/2012.